

**BAN TUYÊN GIÁO TỈNH UỶ - SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

---------🙧🙥---------

**TÀI LIỆU HỘI NGHỊ**

**Bồi dưỡng chính trị, cập nhật kiến thức**

**cho cán bộ quản lý và giáo viên năm 2020**

**Đồng Tháp, ngày 31 tháng 10 năm 2020**

**CHƯƠNG TRÌNH**

**Lớp bồi dưỡng chính trị, cập nhật kiến thức**

**cho cán bộ quản lý và giáo viên năm 2020**

*(ngày 31 tháng 10 năm 2020)*

-----

**I. BUỔI SÁNG**: Từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút

1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu (*Sở Giáo dục và Đào tạo)*

2. Phát biểu khai mạc và Báo cáo chuyên đề : “Một số nội dung cơ bản, cốt lõi trong dự thảo các văn kiện tại Đại hội XIII của Đảng” và thông báo nhanh kết quả Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025.

(*Đồng chí Kiều Thế Lâm, TUV/Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ*)

**II. BUỔI CHIỀU**: Từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ

1. Báo cáo chuyên đề “Kết quả thực hiện những nội dung trọng tâm, cơ bản của ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2015 - 2020”.

*(Đồng chí Huỳnh Thanh Hùng, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo*)

2. Báo cáo chuyên đề “Đánh giá việc triển khai đổi mới chương trình sách giáo khoa lớp 1 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, định hướng trong thời gian tới”.

(*Đồng chí Ngô Thúy Anh, Trưởng phòng Giáo dục Tiểu học, Sở Giáo dục và Đào tạo*)

3. Báo cáo chuyên đề “Cập nhật các văn bản liên quan đến công chức, viên chức và người lao động trong ngành giáo dục và đào tạo”.

Phát biểu tổng kết lớp.

(*Đồng chí Nguyễn Thúy Hà*, *TUV/Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo*)

4. Đáp từ - bế mạc *(Sở Giáo dục và Đào tạo)*

‎

**CHUYÊN ĐỀ 1**

**MỘT SỐ NỘI DUNG CĂN BẢN, CỐT LÕI**

**TRONG DỰ THẢO BÁO CÁO CHÍNH TRỊ TẠI ĐẠI HỘI XIII**

**CỦA ĐẢNG VÀ THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ**

**TỈNH ĐỒNG THÁP LẦN THỨ XI, NHIỆM KỲ 2020 -2025**

**-----**

A- **MỘT SỐ NỘI DUNG CĂN BẢN, CỐT LÕI TRONG DỰ THẢO BÁO CÁO CHÍNH TRỊ TẠI ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG**

**I- CHỦ ĐỀ, PHƯƠNG CHÂM CHỈ ĐẠO ĐẠI HỘI**

Kế thừa 5 thành tố trong chủ đề Đại hội XII: về Đảng, về dân tộc, về đổi mới, về bảo vệ Tổ quốc và về mục tiêu, Dự thảo Báo cáo chính trị nêu chủ đề Đại hội XIII là: ***Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy ý chí, khát vọng, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, phát triển nhanh và bền vững đất nước; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.***

Phương châm chỉ đạo Đại hội XII: “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới”, Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XIII nêu phương châm: “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển”.

**II- XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

***Về mục tiêu tổng quát:***

Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; phát huy sức sáng tạo, ý chí và khát vọng phát triển, sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; chú trọng đổi mới sáng tạo, phát triển nhanh và bền vững đất nước; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

***Về mục tiêu cụ thể, Dự thảo Báo cáo chính trị nêu hai phương án:***

*Phương án 1:* Tiếp cận theo trình độ phát triển, trình độ công nghiệp và thu nhập bình quân đầu người.

- Đến năm 2025: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, thu nhập trung bình cao.

- Đến năm 2030: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thuộc nhóm trên của các nước có thu nhập trung bình cao.

- Đến năm 2045: Trở thành nước phát triển, có thu nhập cao.

*Phương án 2:* Tiếp cận theo trình độ công nghiệp và thu nhập bình quân đầu người.

- *Đến năm 2025:* Cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, có thu nhập trung bình cao.

- *Đến năm 2030:* Trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, thuộc nhóm trên của các nước có thu nhập trung bình cao.

- *Đến năm 2045:* Trở thành nước công nghiệp hiện đại, có thu nhập cao.

**III- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XII VÀ DIỆN MẠO ĐẤT NƯỚC SAU 35 NĂM ĐỔI MỚI**

**1. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, nguyên nhân và kinh nghiệm**

Dự thảo Báo cáo chính trị nêu: Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đã nỗ lực phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, *đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng*. Đất nước tiếp tục phát triển nhanh và *khá toàn diện* trên hầu hết các lĩnh vực, tạo *nhiều* *dấu ấn nổi bật*.

*- Về nguyên nhân:* Dự thảo nêu, những thành tựu đạt được 5 năm qua có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan.

***-*** Đó là kết quả của cả một quá trình *phấn đấu* *liên tục, bền bỉ* qua nhiều nhiệm kỳ đại hội của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

- Nguyên nhân quan trọng nhất là sự đoàn kết, thống nhất, sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, có hiệu quả, kịp thời của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp uỷ đảng trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII, giải quyết kịp thời, có hiệu quả nhiều vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn; sự quản lý, điều hành quyết liệt của Chính phủ và chính quyền các cấp; sự nỗ lực đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; sự phối hợp đồng bộ của cả hệ thống chính trị; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên; tinh thần lao động tích cực, sáng tạo, trách nhiệm của nhân dân; sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế.

- Một số kinh nghiệm:

*Một là, kinh nghiệm về xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị*: Chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức, cán bộ. Xây dựng Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; thường xuyên củng cố, tăng cường đoàn kết trong Đảng và hệ thống chính trị; hoàn thiện cơ chế kiểm soát chặt chẽ quyền lực; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí…

*Hai là, kinh nghiệm về nhận thức và phát huy vai trò của dân*: Quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm "dân là gốc"; nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân; lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu, tăng cường củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa[[1]](#footnote-1) .

*Ba là, kinh nghiệm về lãnh đạo, điều hành, tổ chức thực hiện*: Trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, tích cực, có bước đi phù hợp phát huy mọi nguồn lực và động lực; kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn; đề cao trách nhiệm người đứng đầu gắn với giữ vững kỷ cương; coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; thực hiện tốt sự phối, kết hợp trong lãnh đạo, quản lý, điều hành; coi trọng chất lượng và hiệu quả thực tế; chú trọng tạo đột phá để phát triển.

*Bốn là, kinh nghiệm về xây dựng thể chế*: Xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, bảo đảm hài hoà giữa kế thừa và đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, văn hoá, xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, con người, giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường; giữa phát triển kinh tế, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữa độc lập, tự chủ với tăng cường đối ngoại, hội nhập quốc tế; thực sự coi trọng, phát huy vai trò của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong điều kiện mới.

*Năm là, kinh nghiệm về bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại*: Chủ động nghiên cứu, nắm bắt, dự báo đúng tình hình, không để bị động, bất ngờ; kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc đi đôi với giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường; đánh giá đúng xu thế, nắm bắt trúng thời cơ, xử lý đúng đắn, hiệu quả mối quan hệ với các nước lớn và các nước láng giềng; phát huy hiệu quả sức mạnh tổng hợp của đất nước.

**2. Đánh giá 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước (bổ sung, phát triển năm 2011), 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, 30 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới**

- Đánh giá chung 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011 và 10 năm thực hiện Chiến lược: *Mười năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)* và thực hiện *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020* đã tạo những bước tiến quan trọng cả về nhận thức lý luận và tổ chức thực hiện, khẳng định những giá trị to lớn của Cương lĩnh. Cương lĩnh tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, lý luận của Đảng dẫn dắt dân tộc tiếp tục vững vàng đẩy mạnh công cuộc đổi mới trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định đường lối đổi mới của Đảng vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Dự thảo Báo cáo chính trị nhấn mạnh: *Đất nước chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế như ngày nay.* Tuy nhiên, cũng còn nhiều khó khăn, thách thức cần kiên quyết khắc phục để phát triển nhanh và bền vững hơn.

**3. Xác định ý nghĩa của thành tựu thực hiện công cuộc đổi mới và Cương lĩnh**

Từ đánh giá chung 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước (bổ sung, phát triển năm 2011), 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 - 2020, 30 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Dự thảo Báo cáo chính trị nêu ý nghĩa của thành tựu thực hiện công cuộc đổi mới và Cương lĩnh: Những thành tựu của 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới và 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991, đặc biệt trong 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân dân ta, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

**IV- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC**

**1. Quan điểm chỉ đạo**

Đại hội XII không có mục tiêu quan điểm chỉ đạo. Dự thảo Báo cáo chính trị nêu hệ quan điểm chỉ đạo: Tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, trong giai đoạn tới đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải quán triệt trong nhận thức và hoạt động thực tiễn các quan điểm cơ bản sau:

- *Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong giai đoạn mới:* Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- *Tư tưởng chủ đạo về chiến lược tổng thể phát triển đất nước:* Bảo đảm lợi ích của quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, cùng có lợi. Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên.

- *Định hướng tạo động lực phát triển:* Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, khát vọng phát triển và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hoá, con người Việt Nam; bồi dưỡng sức dân; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước.

- *Định hướng huy động, phát huy mọi nguồn lực:* Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, phát huy cao độ nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất.

- *Định hướng xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên:* Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc.

**2. Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030**

Dự thảo Báo cáo chính trị nêu 12 định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 trên 12 vấn đề:

*(1)* *Định hướng xây dựng thể chế phát triển đất nước:* Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước*.*

*(2)* *Định hướng về phát triển kinh tế:* Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, hiện đại hoá đất nước gắn với từng bước phát triển kinh tế số, dựa chủ yếu trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nguồn nhân lực chất lượng cao; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế*.*

*(3)* *Định hướng về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ:* Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và trọng dụng nhân tài. Thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới.

*(4)* *Định hướng về xây dựng con người và nền văn hóa Việt Nam*: Tăng cường xây dựng con người và nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hoá thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển, tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước*.*

*(5) Định hướng về quản lý phát triển xã hội:* Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng môi trường văn hoá, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh; chú trọng nâng cao chất lượng dân số, gắn dân số với phát triển; quan tâm đến mọi người dân, bảo đảm chính sách lao động, việc làm, thu nhập, thực hiện tốt an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân*.*

*(6)* *Định hướng về ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường:* Chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai; quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khoẻ nhân dân làm mục tiêu hàng đầu, kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường*.*

*(7)* *Định hướng về bảo vệ Tổ quốc:* Kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, kỷ cương; bảo đảm an ninh kinh tế, xã hội, an ninh mạng, an ninh con người, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương. Chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; phát hiện sớm và xử lý kịp thời những nhân tố bất lợi, nhất là những nhân tố có thể gây đột biến; đẩy mạnh đấu tranh làm thất bại âm mưu và hoạt động "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch.

*(8)* *Định hướng về đối ngoại:* Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; nâng cao không ngừng uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam

*(9)* *Định hướng về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đại đoàn kết toàn dân tộc:* Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò tự quản của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội; tiếp tục đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

*(10)* *Định hướng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa:* Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức.

*(11)* *Định hướng về xây dựng Đảng:* Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện; đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ cấp chiến lược có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

*(12) Về các mối quan hệ lớn:* Tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các quan hệ lớn: Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế.

**V- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC**

**1. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế**

***a. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển đất nước nhanh, bền vững***

*Một là, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh*

*- Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng,* tạo bước chuyển căn bản nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng trên cơ sở tăng năng suất, tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

*- Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế*, đồng thời bổ sung: Nâng cao tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập; phát triển các hợp tác xã kiểu mới, các tổ hợp tác; hỗ trợ phát triển mạnh doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước, khuyến khích phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn.

*Hai là, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên nền tảng của tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*

- *Điều chỉnh, bổ sung chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển nền kinh tế, các ngành, lĩnh vực* phù hợp với thực tiễn đất nước và trình độ phát triển khoa học, công nghệ hiện đại trên thế giới, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

*- Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh.* Cơ cấu lại công nghiệp, nâng cao trình độ công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi sang công nghệ số, tập trung phát triển những ngành công nghiệp nền tảng, những ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường; phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh kết hợp phục vụ dân sinh, các ngành công nghiệp có lợi thế, tạo nhiều việc làm, hàng xuất khẩu.

*- Phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái* dựa trên tiến bộ khoa học và công nghệ, thích ứng với biến đổi khí hậu.

*- Phát triển mạnh khu vực dịch vụ dựa trên nền tảng ứng dụng những thành tựu của khoa học và công nghệ hiện đại.*

*- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đột phá chiến lược về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng* đồng bộ với một số công trình hiện đại. Tập trung đầu tư, sớm đưa vào sử dụng các công trình, cụm công trình, dự án hạ tầng trọng điểm về giao thông, hạ tầng năng lượng, hệ thống thuỷ lợi phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng ở các đô thị, hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, xây dựng, kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia v.v...

***b. Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa***

*Một là, thống nhất và nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*

- Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước, nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

- Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế liên quan chặt chẽ với nhau, hợp thành nền kinh tế quốc dân thống nhất, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể không ngừng được củng cố, phát triển, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế.

- Cần nhận thức đúng và xử lý hiệu quả mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội.

*Hai là, tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn[[2]](#footnote-2)* với những nhiệm vụ, giải pháp:

*- Nâng cao chất lượng, hiệu quả quản trị quốc gia, xây dựng và thực thi pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch;* tập trung sửa đổi những quy định không thống nhất, mâu thuẫn, chồng chéo, cản trở phát triển kinh tế. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử; đổi mới phân cấp, phân quyền, uỷ quyền và nâng cao trách nhiệm phối hợp giữa các cấp, các ngành, tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo.

*- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển đầy đủ, đồng bộ các yếu tố của doanh nghiệp, thị trường, các loại thị trường.* Phát huy vai trò các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp tham gia hình thành và điều tiết các quan hệ kinh tế thị trường.

*- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, thúc đẩy phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp*. Đẩy nhanh việc xử lý nợ, thoái vốn, cổ phần hoá, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước; thúc đẩy đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, quản trị doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả, đồng thời kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của doanh nghiệp, không để thất thoát, lãng phí vốn, tài sản nhà nước. Hỗ trợ, khuyến khích phát triển các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế hộ, trang trại trong nông nghiệp. Khuyến khích và tạo môi trường thể chế thuận lợi nhất cho kinh tế tư nhân phát triển thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Nâng cao hiệu quả các dự án hợp tác công - tư trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng.

*Ba là, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế.*

*- Giữ vững độc lập, tự chủ* trong việc xác định chủ trương, đường lối, chiến lược phát triển kinh tế đất nước.

*- Phát triển doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh, là nòng cốt* của kinh tế đất nước; giữ vững các cân đối lớn, bảo đảm an ninh kinh tế; không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia.

*- Nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế* trước tác động tiêu cực từ những biến động của kinh tế thế giới, khu vực; chủ động hoàn thiện hệ thống pháp luật, hệ thống phòng vệ để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế.

- Đa phương quá, đa dạng hóa quan hệ kinh tế quốc tế, *thực hiện nhiều hình thức hội nhập quốc tế,* tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác.

**2. Định hướng nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ**

***a. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển con người***

So với Đại hội XII, Dự thảo Báo cáo chính trị nêu những nhiệm vụ, giải pháp mới:

*- Xây dựng đồng bộ thể chế, cơ chế, chính sách* để thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước.

*- Tập trung đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp* giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu phát triển mới của kinh tế - xã hội, của khoa học và công nghệ và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

*- Kiên quyết sắp xếp lại các trường đại học, cao đẳng;* từng bước phát triển mạng lười cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao.

*- Đa dạng hoá các loại hình đào tạo.* Thúc đẩy xây dựng xã hội học tập mở, học tập suốt đời; chú trọng đào tạo lại lực lượng lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

*- Xây dựng, thực hiện có lộ trình tiến tới miễn học phí* cho học sinh đối với giáo dục phổ thông trong hệ thống trường công lập; phát triển các cơ sở đào tạo ngoài công lập phù hợp với xu thế của thế giới và điều kiện của Việt Nam, bảo đảm công bằng xã hội và các giá trị cơ bản của định hướng xã hội chủ nghĩa.

- *Chăm lo xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục* là khâu then chốt. Sắp xếp, đổi mới căn bản hệ thống các cơ sở đào tạo sư phạm; cải thiện mức sống, nâng cao trình độ và chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

*- Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh,* kiên quyết khắc phục bệnh thành tích, xử lý nghiêm các tiêu cực trong giáo dục và đào tạo.

- Xây dựng và thực hiện có hiệu quả chiến lược hợp tác và hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo, phấn đấu trở thành một quốc gia mạnh về giáo dục và đào tạo ở khu vực, bắt kịp với trình độ tiên tiến của thế giới, tham gia vào thị trường đào tạo nhân lực quốc tế.

***b. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học và công nghệ***

*- Quán triệt, thực hiện nhất quán chủ trương khoa học và công nghệ* là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

*- Có chiến lược phát triển khoa học và công nghệ* phù hợp với điều kiện đất nước thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

**3. Định hướng nhiệm vụ, giải pháp phát triển văn hóa, xã hội, con người; quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu**

***a. Xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam***

*- Tập trung hoàn thiện và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá và chuẩn mực con người* gắn với phát huy ý chí, khát vọng phát triển và sức mạnh con người Việt Nam trong thời kỳ mới.

*- Thực hiện những giải pháp đột phá, mạnh mẽ nhằm ngăn chặn có hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống,* đẩy lùi tiêu cực xã hội và các tệ nạn xã hội.

*-* *Có cơ chế, chính sách, giải pháp cải thiện môi trường văn hóa,* điều kiện hưởng thụ văn hoá của nhân dân. Xây dựng và thực hiện các chuẩn mực văn hoá lãnh đạo, văn hóa quản lý, văn hoá công sở, văn hoá doanh nghiệp, doanh nhân; đề cao vai trò, trách nhiệm của gia đình.

*- Triển khai có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hoá và dịch vụ văn hoá;* gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch. Xây dựng nền báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại.

***b. Quản lý phát triển xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội***

*Nhận thức và thực hiện đúng, đầy đủ định hướng xã hội chủ nghĩa trong các chính sách xã hội.* Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người.

- Một số nhiệm vụ, giải pháp mới:

*+ Xây dựng các chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội phù hợp,* giải quyết hài hoà các quan hệ xã hội, kiểm soát sự phân hoá giàu - nghèo, kiểm soát và xử lý kịp thời, hiệu quả các rủi ro, mâu thuẫn, xung đột xã hội, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân.

*+* Chú trọng phúc lợi xã hội, từng bước bảo đảm những nhu cầu cơ bản, thiết yếu của nhân dân về nhà ở, đi lại, giáo dục, y tế...

*+* *Đổi mới chính sách lao động,*việc làm hướng đến việc làm bền vững.

*+* *Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện,* tiến tới bao phủ toàn dân. Cải cách hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng dựa trên nguyên tắc đóng - hưởng, chia sẻ - bền vững. Tập trung giải quyết nhóm nghèo nhất, vùng nghèo nhất, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo giữa các vùng, miền, dân tộc.

*- Tăng cường chính sách dân số và phát triển.*

***c. Quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu***

- *Xây dựng thực hiện hệ thống luật pháp, chính sách, chiến lược* quản lý tài nguyên đất. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, hiện đại hoá lĩnh vực địa chính, dịch vụ công về đất đai.

*- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất.* Phát hiện, giải quyết dứt điểm các vi phạm, tranh chấp, lấn chiếm đất đai, xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, trục lợi và làm thất thoát nguồn thu ngân sách liên quan đến đất.

*- Xây dựng, thực hiện chiến lược an ninh nguồn nước quốc gia;* hoàn thiện chính sách, pháp luật, cơ chế về khai thác, sử dụng tài nguyên nước; bảo đảm an ninh nguồn nước, nhất là nước sạch cho người dân.

*- Nâng cao năng lực giám sát về tài nguyên, môi trường và biến đổi khí hậu,* năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, ô nhiễm và thảm hoạ môi trường.

*- Xây dựng chiến lược thích ứng với biển đổi khí hậu.* Huy động nguồn lực, thực hiện đồng bộ các giải pháp công trình và phi công trình để bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

**4. Định hướng nhiệm vụ, giải pháp tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại**

***a. Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa***

*- Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người,* xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

*- Kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động* “diễn biến hoà bình”, chống phá của các thế lực thù địch.

*- Tăng cường nguồn lực cho quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc;* có cơ chế huy động nguồn lực từ địa phương và nguồn lực xã hội cho xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh tại các khu vực phòng thủ.

*- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh* theo hướng tự chủ, tự cường, hiện đại và lưỡng dụng.

*-* *Thực hiện toàn diện, đồng bộ* Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự, Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, Chiến lược an ninh mạng quốc gia và các chiến lược quốc phòng, an ninh chuyên ngành khác.

***b. Triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng***

*- Bảo đảm lợi ích của quốc gia - dân tộc* trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, cùng có lợi. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại.

*­ - Chủ động tham gia và phát huy vai trò của Việt Nam* tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN, Liên hợp quốc, APEC và các khuôn khổ hợp tác ở khu vực và quốc tế (Điểm mới là phát huy vai trò Việt Nam tại APEC và các khuôn khổ hợp tác ở khu vực và thế giới).

*-* Bổ sung nhiệm vụ, giải pháp: *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động* của các thế lực thù địch và các công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị đất nước…

**5. Định hướng nhiệm vụ, giải pháp tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa**

***a. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân***

*(1). Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc*

*Mọi hoạt động của hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, công chức phải xuất phát từ lợi ích* *hợp pháp và chính đáng của nhân dân.* Giải quyết hài hoà các quan hệ lợi ích trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

*(2). Về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân*

- Thực hiện tốt, có hiệu quả trong thực tế dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, dân chủ cơ sở theo phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

- Tổ chức đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị, đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức *phải nêu gương thực hành dân chủ, tuân thủ pháp luật, đề cao đạo đức xã hội.* Đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tạo nền tảng chính trị, pháp lý để nhân dân thực hiện quyền làm chủ; hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo phải tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân.

*- Đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân* trong chiến lược phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Phát huy tính tích cực chính trị - xã hội, trí tuệ, quyền và trách nhiệm của nhân dân tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức.

*(3). Về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*

- Về chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Dự thảo Báo cáo chính trị nêu: Xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả.

- Về Quốc hội, Dự thảo Báo cáo chính trị nêu: *Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội*; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác lập pháp, giám sát tối cao và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước.

*-* Về Chính phủ, Dự thảo Báo cáo chính trị nêu: *Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Chính phủ, các bộ, ngành* theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tập trung vào quản lý vĩ mô, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, luật pháp, cơ chế, chính sách; nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành và hiệu quả tổ chức thực hiện; tăng cường công tác thanh tra, giám sát.

*-* Về tư pháp, Dự thảo Báo cáo chính trị nêu: *Xây dựng, thực hiện có hiệu quả chiến lược cải cách tư pháp* giai đoạn mới. Nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, hoạt động luật sư và bổ trợ tư pháp.

*-* Về chính quyền địa phương, Dự thảo Báo cáo chính trị đề cập:Đổi mới mạnh mẽ phân cấp, phân công, phân quyền, ủy quyền, cải cách phân phối ngân sách; phân định rõ hơn trách nhiệm, quyền hạn giữa Trung ương và địa phương, bảo đảm quản lý thống nhất, kiểm soát, kiểm tra chặt chẽ, đồng thời đề cao vai trò chủ động, tinh thần trách nhiệm, nâng cao năng lực của từng cấp, từng ngành; nâng cao tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của từng cơ quan, đơn vị.

*-* Về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, Dự thảo Báo cáo chính trị nêu: *Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức* liêm chính, có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị, năng lực, uy tín, tính chuyên nghiệp cao, sức khoẻ tốt, tận tuỵ phục vụ nhân dân. Cải cách chính sách tiền lương, nhà ở, chính sách đãi ngộ, động viên, gắn với đổi mới phương pháp đánh giá cán bộ, thật sự lấy hiệu quả công việc làm thước đo chủ yếu; có cơ chế sàng lọc, thay thế kịp thời những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, đạo đức công vụ, không còn uy tín đối với nhân dân.

**6. Định hướng nhiệm vụ, giải pháp xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng**

Gồm 5 nhóm nhiệm vụ, giải pháp.

***a. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện***

*Một là, tăng cường xây dựng Đảng về chính trị*

- Dự thảo Báo cáo chính trị kế thừa, phát triển chủ trương Đại hội XII “Nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chính sách phù hợp với quy luật khách quan và đặc điểm của Việt Nam” thành “Nâng cao bản lĩnh, năng lực dự báo của Đảng trong hoạch định đường lối, chính sách của Đảng”.

- Nâng cao lập trường, bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, tính chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp, cán bộ cấp chiến lược.

- Thực hành dân chủ gắn liền với tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng.

*Hai là, tăng cường xây dựng Đảng về tư tưởng*

- Nắm vững, dự báo đúng, định hướng chính xác, xử lý đúng đắn, kịp thời các vấn đề tư tưởng, bảo đảm thống nhất tư tưởng trong Đảng, đồng thuận cao trong xã hội.

- Gắn nghiên cứu lý luận với định hướng chính sách, phát triển, hoàn thiện đường lối, chủ trương phát triển, bảo vệ Tổ quốc.

- Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, thù địch; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ.

*Ba là, tiếp tục* *xây dựng Đảng vững mạnh về tổ chức, cán bộ*

- Bảo đảm đồng bộ, liên thông, thống nhất giữa quy định của Đảng và Nhà nước. Tổng kết các mô hình thí điểm có hiệu quả về tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị.

*- Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp,* nhất là cán bộ cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Hoàn thiện thể chế, quy định về công tác cán bộ, tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ. Xây dựng quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; thực hiện tốt quy định về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, chống chạy chức, chạy quyền; xử lý nghiêm minh, đồng bộ cả kỷ luật đảng, kỷ luật hành chính và xử lý bằng pháp luật cán bộ có vi phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

*Bốn là, tăng cường và nâng cao hiệu quả* *xây dựng Đảng về đạo đức*:

*- Nêu cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức* của cán bộ, đảng viên.

*-* Thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm nêu gương, trước hết là Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư, Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương. Coi trọng kiểm tra, giám sát trong Đảng kết hợp với phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của báo chí và nhân dân đối với cán bộ, đảng viên thực hiện các quy định nêu gương.

*- Xây dựng văn hoá trong chính trị.* Kết hợp giữa tăng cường kỷ cương, kỷ luật, thượng tôn pháp luật, xây dựng Đảng nghiêm minh với giáo dục, bồi dưỡng nhân cách, đạo đức cách mạng để phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với các căn bệnh của chủ nghĩa cá nhân.

***b. Đổi mới mạnh mẽ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng***

*- Tập trung kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt* ở những nơi dễ xảy ra vi phạm, nơi có nhiều bức xúc nổi cộm, dư luận quan tâm.

*- Phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán điều tra, truy tố, xét xử và các cơ quan quản lý nhà nước,* Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong hoạt động kiểm tra, giám sát để nâng cao hiệu lực, hiệu quả giám sát, kiểm tra, tránh chồng chéo, trùng lặp, lãng phí, không hiệu quả.

***c. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực***

*- Kiên quyết, kiên trì, liên tục đấu tranh* ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, với quyết tâm cao hơn, hành động mạnh mẽ hơn, hiệu quả hơn. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa, chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời những hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng, tiếp tay cho tham nhũng, can thiệp, cản trở việc chống tham nhũng, lãng phí; không có vùng cấm, không có ngoại lệ.

*- Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục,* tạo sự tự giác, thống nhất cao về ý chí và hành động trong cán bộ, đảng viên và nhân dân trước hết là sự gương mẫu, quyết liệt của người đứng đầu cấp ủy; kiên trì giáo dục, rèn luyện đức tính liêm khiết, xây dựng văn hoá tiết kiệm, không tham nhũng, lãng phí.

*- Hoàn thiện các quy định về kiểm soát quyền lực, trách nhiệm người đứng đầu,* trách nhiệm giải trình, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; cơ chế bảo vệ, khuyến khích mạnh mẽ người đứng đầu kiểm tra, phát hiện, xử lý tham nhũng và cơ chế bảo vệ, khuyến khích người tố cáo, tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; xử lý nghiêm những người lợi dụng chống tham nhũng để vu khống, gây mất đoàn kết nội bộ.

*-* Phát hiện sớm, xử lý nghiêm minh các vụ việc, vụ án tham nhũng; nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng; kịp thời xử lý, điều chuyển, thay thế cán bộ lãnh đạo, quản lý khi có dư luận hoặc có biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, uy tín thấp; xử lý nghiêm những cán bộ nhũng nhiễu, vòi vĩnh, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

***d. Tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng.***

*- Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động,* sử dụng có hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội theo hướng sáng tạo, thiết thực, tạo sự đồng thuận, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, phát huy sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

*- Nêu cao tinh thần trách nhiệm của cả hệ thống chính trị,* nhất là các cơ quan hành chính nhà nước, đối với công tác dân vận, trọng tâm là nâng cao chất lượng, phát huy vai trò, sự tham gia của nhân dân trong xây dựng, ban hành tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Cụ thể hoá, thực hiện tốt cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ" và phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

*- Tiếp tục hoàn thiện và thực thi quy định về đạo đức công vụ* kết hợp với tăng cường công tác dân vận; phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang trực tiếp giao tiếp với nhân dân. Kiên quyết phê phán, xử lý nghiêm minh những cán bộ thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm, quan liêu, hách dịch, cửa quyền, nhũng nhiễu dân.

***đ. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, đặc biệt là với Nhà nước trong điều kiện mới***

*- Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền* gắn với cải cách hành chính trong Đảng và kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện phân cấp, phân quyền, chống tha hoá quyền lực; có cơ chế để các địa phương phát huy quyền chủ động, sáng tạo, gắn với đề cao trách nhiệm, đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý thống nhất của Trung ương.

*-* Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Đảng.

**VI- VỀ NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN TRONG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIII**

**1. Những nhiệm vụ trọng tâm**

Đại hội XII nêu 6 nhiệm vụ trọng tâm. Dự thảo Báo cáo chính trị cũng nêu 6 nhiệm vụ trọng tâm, nhưng nội dung của từng nhiệm vụ trọng tâm có nhiều điểm mới. Cụ thể như sau:

*(1) Về Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị:* Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Đổi mới phương thức cầm quyền của Đảng. Xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ. Củng cố và tăng cường lòng tin, sự gắn bó của nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

*(2) Về kinh tế:* Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập; phát triển đồng bộ và tạo ra sự liên kết giữa các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

*(3)* *Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại:* Giữ vững độc lập, tự chủ, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước.

*(4)* *Về văn hóa, xã hội, con người:* Khơi dậy khát vọng phát triển Việt Nam cường thịnh, phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế; thực hiện tốt chính sách xã hội, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

*(5)* *Về dân chủ xã hội chủ nghĩa, đại đoàn kết toàn dân tộc:* Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, trước hết là sự gương mẫu tuân theo pháp luật, kỷ cương, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa của cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, của cán bộ, đảng viên, tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc.

*(6)* *Về đất đai, tài nguyên, môi trường:* Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu.

**2. Các đột phá chiến lược**

Dự thảo Báo cáo chính trị nêu: Ba đột phá chiến lược do Đại hội lần thứ XI, XII của Đảng xác định có ý nghĩa, giá trị lâu dài vẫn còn nguyên giá trị và sẽ được cụ thể hoá phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Trong 5 năm tới, để phù hợp với điều kiện, yêu cầu mới cần tập trung vào các khâu đột phá cụ thể sau đây:

(1) *Hoàn thiện đồng bộ thể chế*

(2) *Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao*

(3) *Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng*

B- THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG THÁP LẦN THỨ XI, NHIỆM KỲ 2020 -2025

**I- THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐẠI HỘI**

**1- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025**

Đại hội diễn ra từ ngày 17 đến ngày 20/10/2020 tại Hội trường 27 đường Lý‎ Thường Kiệt. Chủ đề Đại hội: *“Xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch,vững mạnh; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; đưa kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững; nâng cao chất lượng sống của Nhân dân; xây dựng nền văn hóa và con người Đồng Tháp nghĩa tình, năng động, sáng tạo; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh”*.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp được đồng chí Phạm Minh Chính, Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, được Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng phân công dự và chỉ đạo Đại hội.

Dự Đại hội, có các đồng chí đại diện Lãnh đạo các ban đảng, các bộ, ngành Trung ương, Mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, các đồng chí nguyên lãnh đạo tỉnh qua các thời kỳ.

Sau 3,5 ngày làm việc tích cực, với tinh thần trách nhiệm cao, Đại hội đã hoàn thành toàn bộ chương trình đề ra và thành công tốt đẹp.

**2- Thành phần đại biểu dự Đại hội**

Tham dự Đại hội có **349** đại biểu đại diện cho hơn 60.000 đảng viên của Đảng bộ Tỉnh (trong đó, có 51 đại biểu đương nhiên và 298 đại biểu chính thức được bầu từ Đại hội của 16 đảng bộ trực thuộc Tỉnh uỷ). Trong số 349 đại biểu, có 64 đại biểu nữ; 46 đại biểu trong lực lượng vũ trang; 01 đại biểu được phong danh hiệu Anh hùng lao động; 01 đại biểu là Thầy thuốc nhân dân; 01 đại biểu là Thầy thuốc ưu tú.

***- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, học hàm, học vị:***Tiến sĩ: **09** đại biểu (chiếm 2,57%); Thạc sĩ: **128** đại biểu (chiếm 36,68%); Đại học: **211** đại biểu (chiếm 60,47%); Giấy chứng nhận: **01** đại biểu (chiếm 0,28%).

***- Trình độ lý luận chính trị:*** Cử nhân, cao cấp: **347** đại biểu (chiếm 99,43%); Trung cấp: **02** đại biểu(chiếm 0,57%).

***- Độ tuổi:*** Từ 31 - 40 tuổi có **46** đại biểu (chiếm 13,19%); từ 41 - 50 tuổi: **162** đại biểu (chiếm 46,42%); từ 51 - 60 tuổi: **140** đại biểu (chiếm 40,11%); Từ 61 - 70 tuổi: **01** đại biểu (chiếm 0,28%). Đại biểu cao tuổi nhất (68 tuổi): **01** đại biểu**([[3]](#footnote-3))**; Đại biểu ít tuổi nhất (31 tuổi): **01** đại biểu**([[4]](#footnote-4))**.

***- Trình độ học vấn:*** Trung học phổ thông: **349** đại biểu (chiếm 100%).

**3- Công tác tuyên truyền, trang trí khánh tiết Đại hội**

- Công tác tuyên truyền sinh động với nhiều hình thức như: Thông tin báo, đài, panô, áp-phích, màn hình ngoài trời trên tuyến đường chính thuộc Thành phố Cao Lãnh, băng rol ở các cơ quan, địa phương, đơn vị. Cách thức tuyên truyền có nhiều đổi mới, nội dung gần gũi, sát thực tế; trang trí khánh tiết trong hội trường nhẹ nhàng, đơn giản, đảm bảo đúng quy định.

- Tổ chức triển lãm 02 bộ ảnh với 500 tác phẩm chủ đề “Thành tựu kinh tế, văn hóa, văn hóa, xã hội tỉnh Đồng Tháp và “Hình ảnh thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của tỉnh Đồng Tháp”. Nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ phong phú như: biểu diễn chương trình nghệ thuật chủ đề “Đồng Tháp trên đường đi tới”, “Đồng Tháp sen hồng vững bước tương lai”, chương trình giới thiệu tác giả, tác phẩm; Hội thi vẽ tranh thiếu nhi theo sách chủ đề “Em là mầm non của Đảng”; Hội thi cắm hoa nghệ thuật từ sen “Đồng Tháp – Thuần khiết như hồn sen”; tổ chức nhiều hội thi, giao lưu bóng đá…

- Báo Đồng Tháp phát hành Tập san, mở chuyên trang chào mừng Đại hội. Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Tháp xây dựng phóng sự với chủ đề “Nhiệm kỳ 2015 - 2020, Hành trình của khát vọng vươn xa”... tuyên truyền trên Đài trước, trong và sau Đại hội…

**4- Thông tin báo chí về Đại hội**

Trước Đại hội, Tỉnh uỷ Đồng Tháp tổ chức gặp gỡ trên 51 cơ quan báo chí trong và ngoài Tỉnh để thông tin về Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Trong quá trình diễn ra Đại hội có hơn 50 cơ quan thông tấn, báo chí trong, ngoài tỉnh tham dự đưa tin về Đại hội XI Đảng bộ Tỉnh, gần 90 phóng viên, nhà báo đăng ký tác nghiệp, đông nhất từ trước đến nay.

- Dư luận báo chí đánh giá về Đại hội: công tác chuẩn bị tốt, diễn biến Đại hội chặt chẽ. Có tổ chức lập Tổ phục vụ báo chí cung cấp thông tin, hình ảnh của Đại hội kịp thời, giúp báo chí tác nghiệp thuận lợi; bố trí chỗ làm việc cho phóng viên, nhà báo gồm 2 địa điểm: Báo Đồng Tháp và Phòng tác nghiệp báo chí cạnh hội trường. Tổ xây dựng hướng dẫn và vẽ sơ đồ phạm vi tác nghiệp cụ thể.

Sau Đại hội, Tỉnh uỷ Đồng Tháp sẽ tổ chức gặp gỡ cơ quan báo chí trong và ngoài Tỉnh để thông tin về kết quả Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025 (tổ chức vào chiều ngày 27/10/2020).

**5- Công tác chuẩn bị văn kiện và các nội dung thông qua tại Đại hội**

- Công tác chuẩn bị văn kiện theo đúng quy trình, quy định, hướng dẫn của Trung ương. Bố cục chặt chẽ, khoa học, hợp lý, theo nhóm vấn đề, không dàn trải. Sau khi hoàn chỉnh dự thảo văn kiện, tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các tổ chức thành viên Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc, cán bộ hưu trí, đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh; cán bộ chủ chốt; lấy ý kiến tại Đại hội đại biểu cấp huyện và tương đương; tiếp thu hoàn chỉnh trình Bộ Chính trị cho ý kiến. Sau đó, nghiêm túc tiếp thu, tiến hành chỉnh sửa văn kiện theo góp ý của Bộ Chính trị, các ban, ngành Trung ương trước khi trình Đại hội.

- Ngoài Báo cáo chính trị và Báo cáo kiểm điểm là hai báo cáo chính trong văn kiện, Tỉnh uỷ còn chuẩn bị thêm các báo cáo phục vụ Đại hội như: Báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp vào Văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng; Báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp vào Văn kiện Đại hội XI Đảng bộ Tỉnh. Việc lấy ý kiến được tiến hành nghiêm túc, không khí thảo luận sôi nổi, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao với Đảng bộ Tỉnh, có **1.367** lượt ý kiến đóng góp vào dự thảo các văn kiện.

- Tại Đại hội, qua tổng hợp ý kiến thảo luận tại **14** Đoàn đại biểu đối với các dự thảo Văn kiện, có **54** lượt ý kiến đóng góp vào các dự thảo Văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; có **84** lượt ý kiến đóng góp vào Văn kiện trình Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025. Tại Đại hội, các đại biểu được nghe **06** báo cáo tham luận, thảo luận trên các lĩnh vực trọng tâm như: Phát huy quyền làm chủ của người dân thông qua các mô hình tự quản tại cộng đồng dân cư, nơi kết nối “Ý Đảng – Lòng Dân”; Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; Tập trung huy động nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh; Phát triển diện tích trồng cây ăn trái và hoa kiểng mang lại hiệu quả kinh tế cao; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập; Phát huy vai trò “tự lực, chăm chỉ, hợp tác” của nhân dân trong xây dựng nông thôn mới.

- Đoàn Chủ tịch chuẩn bị đầy đủ các văn bản để trình bày, xây dựng chương trình điều hành, bám sát nội dung hướng dẫn của Trung ương, phân công hợp lý từng thành viên và sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa Đoàn Chủ tịch và các cơ quan giúp việc tại Đại hội trong việc xử lý các vấn đề phát sinh.

**-** Việc thảo luận tại tổ được các đoàn đại biểu thực hiện nghiêm túc. Không khí thảo luận, tranh luận khá sôi nổi, một số ý kiến trình bày thẳng thắn, mang tính phản biện, nội dung góp ý sâu sắc, có tính chiến đấu và sức thuyết phục cao. Đoàn Chủ tịch giải trình tiếp thu và làm rõ các ý kiến khác nhau của đại biểu, nội dung đi thẳng vào vấn đề, làm cơ sở cho đại biểu xem xét, biểu quyết bằng phiếu đối với các chỉ tiêu chủ yếu và các nội dung còn ý kiến khác nhau của văn kiện, qua đó bổ sung đưa vào dự thảo Nghị quyết Đại hội

**II. KẾT QUẢ ĐẠI HỘI**

**1. Công tác chuẩn bị nhân sự**

Công tác nhân sự được chuẩn bị chặt chẽ, thực hiện các bước đúng theo Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30 tháng 5 năm 2019 về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa X chuẩn bị danh sách ứng cử **58** đồng chí, số dư **08** đồng chí, tỷ lệ 16%; Cán bộ nữ 08/58 đồng chí, tỷ lệ 13,79%; độ tuổi dưới 40 tuổi 04/58 đồng chí, tỷ lệ 6,9%; từ 40 đến 50 tuổi 21/58 đồng chí, tỷ lệ 36,2%; trên 50 tuổi 34/58 đồng chí, tỷ lệ 56,46% *(tăng 02**so với nhiệm kỳ 2010 - 2015)*. Trong đó, tái cử 38 đồng chí *(chiếm 65,51****%*** *so với danh sách giới thiệu)*; (*không tái cử cấp uỷ* ***13*** *đồng chí*); nguồn bổ sung ngoài cấp uỷ 19 đồng chí *(chiếm 32,7.****%*** *so với danh sách giới thiệu).*

**2. Kết quả bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XI**

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp khoá XI là 51 đồng chí, gồm có: **50** đồng chí được Đại biểu dự Đại hội bầu và đồng chí Lê Quốc Phong, Uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Bộ Chính trị chỉ định vào Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XI để giới thiệu bầu Bí thư Tỉnh ủy.

Trong tổng số **50** đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh, tái cử **37** đồng chí *(chiếm 74****%*** *so với tổng số cấp uỷ viên được bầu)*; có **13** đồng chí tham gia cấp uỷ lần đầu *(chiếm 26*% *so với tổng số cấp uỷ viên được bầu);* cấp uỷ viên trẻ **04** đồng chí, chiếm 8%; trong đó nữ **06/50** đồng chí chiếm 12% *(tăng 2,75****%*** *so với nhiệm kỳ 2015 – 2020).* Trình độ: Tiến sĩ: **04** đồng chí, chiếm 8%; thạc sĩ: **26** đồng chí, chiếm 52%; đại học: **20** đồng chí, chiếm 40%.

Tuổi trung bình của cấp uỷ khoá mới là 45.5 tuổi *(tuổi đời bình quân của cấp uỷ nhiệm kỳ 2015 - 2020 là* 50,52 *tuổi; giảm 5,02 tuổi so với nhiệm kỳ trước)*. Trình độ lý luận chính trị: cử nhân là 12 đồng chí chiếm 24%, cao cấp là 38 chiếm 76%.

**3. Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XI họp phiên họp đầu tiên**

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Đồng Tháp khoá XI là 13 đồng chí (khuyết 02 đồng chí), gồm 12 đồng chí được Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khoá XI bầu và đồng chí Lê Quốc Phong, Uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Bộ Chính trị chỉ định tham gia Ban Thường vụ Tỉnh uỷ khóa XI, trong đó, nữ **02** đồng chí, chiếm 15,38% *(tương đương so với nhiệm kỳ trước).*

Đồng chí Lê Quốc Phong, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XI được tín nhiệm bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ Đồng Tháp với số phiếu tuyệt đối (51/51 phiếu).

Đồng chí Phan Văn Thắng, Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân Tỉnh và đồng chí Phạm Thiện Nghĩa, Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Tỉnh đắc cử Phó Bí thư Tỉnh uỷ khóa XI.

Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khoá XI đã bầu **10** đồng chí vào Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ (khuyết 01 đồng chí); có **02** nữ chiếm 20% *(phụ lục 3)*. Đồng chí Nguyễn Văn Thi, Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ khoá X và XI tái đắc cử Chủ nhiệm Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ.

**4. Đại hội bầu đoàn đại biểu Tỉnh dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng**

Đại hội bầu Đoàn đại biểu dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, gồm 18 đồng chí chính thức, 03 đồng chí dự khuyết và 01 đại biểu đương nhiên là đồng chí Lê Quốc Phong, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp.

**5. Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XI ra mắt Đại hội**

Đồng chí **Lê Quốc Phong**, Bí thư Tỉnh uỷ, thay mặt Ban Chấp hành khoá mới hứa sẽ cùng tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa mới quyết tâm giữ gìn và phát huy những giá trị tốt đẹp mà thế hệ đi trước đã dày công vun đắp; không ngừng tu dưỡng bản lĩnh chính trị, rèn luyện đạo đức, thực hiện tốt việc học tập và làm theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí Minh; nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành; thích ứng kịp thời với sự thay đổi nhanh chóng của xã hội, tiếp tục xây dựng Đảng bộ Tỉnh trong sạch, vững mạnh. Đồng chí Lê Quốc Phong mong muốn “các cấp uỷ, tổ chức đảng, các đồng chí đứng đầu các cấp uỷ, các đại biểu dự Đại hội, các đồng chí đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân tỉnh nhà tích cực ủng hộ, hưởng ứng triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ XI. Với tất cả sự chân thành, cầu thị, chúng tôi sẽ lắng nghe, đón nhận tất cả những tâm huyết, ý tưởng, sáng kiến, góp ý cho sự phát triển của Đồng Tháp, vì lợi ích thiết thực của người dân Đồng Tháp”.

**6. Đại hội thông qua Nghị quyết với các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu**

Đại hội thống nhất những nội dung cơ bản về đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội X Đảng bộ Tỉnh, nhiệm kỳ 2015 - 2020 và mục tiêu, chỉ tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ 2020 - 2025 nêu trong báo cáo chính trị trình Đại hội như sau:

***6.1- Về kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020***

***- Kết quả:***

Qua 05 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020, đã đạt đượcnhiều kết quả quan trọng, hầu hết các mục tiêu, chỉ tiêu đạt kết quả cao, đời sống nhân dân được nâng lên, công tác xây dựng Đảng được chú trọng, hệ thống chính trị hoạt động hiệu lực, hiệu quả, quốc phòng, an ninh được giữ vững. Một số lĩnh vực đột phá trở thành động lực cho một số lĩnh vực khác, tạo đà phát triển cho những năm sau, mở ra giai đoạn phát triển mới. Tình hình kinh tế - xã hội có bước phát triển khá toàn diện, xã hội ổn định, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao. Quốc phòng, an ninh được giữ vững. Xây dựng chính quyền phục vụ nhân dân, điều hành năng động, quản lý nhà nước hiệu lực, hiệu quả, từng bước đi vào nền nếp; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu và làm việc có trách nhiệm, phục vụ nhân dân. Công tác dân vận của hệ thống chính trị được tăng cường và đạt kết quả quan trọng. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được tập trung toàn diện, đạt nhiều kết quả tích cực. Triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của Tỉnh.

***\* Nguyên nhân của những kết quả chủ yếu nêu trên là:***

- Các cấp uỷ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020 với quyết tâm chính trị cao.

- Công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường, kịp thời chấn chỉnh những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

- Tập trung công tác sắp xếp tổ chức bộ máy theo đúng Nghị quyết Trung ương 6 khoá XII.

- Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

***- Hạn chế:***

Tăng trưởng kinh tế, thu nhập bình quân đầu người, huy động vốn đầu tư phát triển chưa đạt chỉ tiêu đề ra, quy mô kinh tế của Tỉnh còn nhỏ. Sản xuất công nghiệp có quy mô nhỏ, sức cạnh tranh còn yếu. Lĩnh vực dịch vụ tăng trưởng thiếu vững chắc. Kết cấu hạ tầng còn yếu kém, nhất là hạ tầng khu, cụm công nghiệp và hạ tầng giao thông; thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản chậm. Quản lý tài nguyên còn bất cập, tình trạng sạt lở, ô nhiễm môi trường vẫn còn xảy ra. Hoạt động văn hoá, thể dục, thể thao còn mang tính hình thức, thiếu sân chơi thể thao và các hoạt động gắn kết cộng đồng. Chủ trương kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh có lúc, có nơi thực hiện chưa nghiêm. Tính phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn yếu. Các biểu hiện nể nang, ngại va chạm trong công tác xây dựng Đảng chậm được khắc phục. Công tác quy hoạch cán bộ có lúc chưa chặt chẽ. Việc kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội ở một số nơi còn chậm. Công tác kiểm tra, giám sát có lúc chưa kịp thời, số vụ việc, vụ án tham nhũng được phát hiện, xử lý còn chậm. Kỷ luật, kỷ cương trong Đảng có mặt chưa nghiêm, tỷ lệ đảng viên ra khỏi Đảng, bị xoá tên trong danh sách đảng viên dự bị còn nhiều.

***\* Nguyên nhân chủ quan của những hạn chế nêu trên là:***

Việc cụ thể hoá và tổ chức triển khai thực hiện chủ trương, nghị quyết có nơi chưa kịp thời, có lúc chưa sát thực tiễn của địa phương, đơn vị. Một số cấp uỷ, tổ chức đảng chưa mạnh dạn thay đổi nhận thức và phương thức lãnh đạo.

Một số nơi còn trông chờ, ỷ lại vào sự chỉ đạo của cấp trên, thiếu chủ động, sáng tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ tại địa phương, đơn vị. Một bộ phận cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng cách mạng, thiếu tinh thần đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và xây dựng Đảng. Đời sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên còn khó khăn do phải đi làm ăn xa nên bỏ sinh hoạt Đảng.

Công tác phối hợp giữa một số ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng có lúc, có mặt chưa chặt chẽ, thiếu chủ động đề ra giải pháp tháo gỡ khó khăn để thúc đẩy phát triển địa phương.

Một số cán bộ, đảng viên, người đứng đầu chưa gương mẫu, thiếu tâm huyết hoặc chưa thực hiện tốt vai trò nêu gương. Việc định hướng thông tin, dư luận xã hội có lúc chưa kịp thời.

Một số cấp uỷ, tổ chức đảng còn để xảy ra sai phạm, vi phạm các nguyên tắc, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước phải xử lý; vẫn còn tình trạng cán bộ, đảng viên "tham nhũng vặt" ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân, chưa tạo được sự thống nhất thực hiện nhiệm vụ.

Công tác kiểm tra, giám sát ở một vài cấp uỷ chưa tập trung đúng mức, kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm; một số cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, giảm ý chí chiến đấu, thiếu bản lĩnh trước những cám dỗ của lợi ích vật chất. Công tác sắp xếp, điều động, bố trí cán bộ có lúc, có nơi còn bị động, làm cho việc thực thi nhiệm vụ chính trị ở các địa phương, đơn vị còn hạn chế.

Một vài cấp uỷ, chính quyền, cán bộ, đảng viên nhận thức về công tác dân vận có lúc, có nơi chưa đầy đủ; công tác triển khai, quán triệt, cụ thể hoá các văn bản của Trung ương, Tỉnh về công tác dân vận một số nơi chậm, chưa cụ thể; việc bố trí cán bộ một vài nơi còn chấp vá; vai trò tham mưu, đề xuất của ban dân vận cấp uỷ, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có nơi chưa kịp thời.

***- Một số kinh nghiệm qua 05 năm thực hiện Nghị quyết Đảng bộ Tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020 như sau:***

**(1)** Giữ vững đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ, trước hết là trong Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và các cấp uỷ, tổ chức đảng.

**(2)** Quán triệt quan điểm "lấy dân làm gốc", phát huy mạnh mẽ dân chủ trong nhân dân, tinh thần chăm chỉ - tự lực - hợp tác của nhân dân.

**(3)**Nắm vững chủ trương, đường lối, vận dụng linh hoạt, sáng tạo phù hợp với thực tiễn;triển khai các giải pháp đồng bộ, gắn liền với công tác tư tưởng, dân vận, tổ chức, cán bộ, kiểm tra, giám sát của Đảng; rèn luyện phong cách làm việc khoa học của cấp uỷ, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội, huy động sức mạnh của toàn xã hội thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm.

**(4)** Phát huy tính chủ động, sáng tạo, tinh thần tự lực, tự cường của cả hệ thống chính trị; lựa chọn đúng các vấn đề để khơi dậy tiềm năng, lợi thế và khai thác có hiệu quả các nguồn lực xã hội, xác định đúng những vướng mắc có tác động lớn để tập trung xử lý; *t*ập trung giải quyết những hạn chế, yếu kém, vướng mắc kéo dài cản trở sự phát triển của Tỉnh.

**(5)** Chủ động thực hiện chỉ tiêu Nghị quyết, giao từng chỉ tiêu cho tổ chức, cá nhân cụ thể. Trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành phải có quyết tâm chính trị cao, hành động quyết liệt, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, kiên quyết chống "bệnh thành tích", "bệnh hình thức", thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng, quan liêu và các biểu hiện tiêu cực.

**(6)** Thực hiện tốt công tác cán bộ, lựa chọn, sàng lọc, sử dụng cán bộ hết sức công tâm, khách quan để phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Chăm lo cho đời sống cán bộ, đảng viên để toàn tâm, toàn ý thực hiện tốt nhiệm vụ. Nhất quán tư tưởng và hành động của cả hệ thống chính trị, tạo ra sức mạnh tập thể và lan toả toàn xã hội; các quyết sách phát triển kinh tế - xã hội cần có sự tham vấn của người dân, doanh nghiệp, chính quyền phải kiến tạo và đồng hành, không bao biện, làm thay.

***6.2- Mục tiêu, các chỉ tiêu chủ yếu và phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2020 - 2025***

***- Mục tiêu tổng quát:*** *“Nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, tiên phong, gương mẫu của các cấp uỷ, tổ chức đảng; xây dựng chính quyền điều hành năng động, hiệu quả, phục vụ nhân dân; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh; tập trung thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực thích ứng với yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; sử dụng hiệu quả vốn đầu tư, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng; nâng cao năng lực công nghiệp, đẩy mạnh kinh tế nông nghiệp, phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch có trọng tâm, trọng điểm và hiệu quả; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, nâng cao chất lượng sống của nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh”.*

***- Các chỉ tiêu chủ yếu***

*(1)- Về kinh tế:* Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân 05 năm đạt 7,5%/năm. Đến năm 2025, GRDP bình quân đầu người tăng gấp 1,7 lần so với năm 2020 (tương đương 3.434 USD). Đến năm 2025, tỷ lệ đô thị hoá đạt khoảng 42%.

*(2)- Về xã hội:* Đến năm 2025, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội còn dưới 40%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 79%, trong đó lao động được đào tạo nghề đạt 57%; tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 3% (dự kiến theo chuẩn mới); có 30 giường bệnh/01 vạn dân; có 10,5 - 11 bác sĩ/01 vạn dân; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số; có 90% xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó, có 30% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10% xã nông thôn mới nâng cao đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có thêm 05 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới và 01 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Phấn đấu thành lập mới 35 hợp tác xã hoạt động có hiệu quả.

*(3)- Về môi trường:* Đến năm 2025, tỷ lệ hộ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch đạt 98%; có 100% chất thải nguy hại được xử lý.

*(4)- Về xây dựng Đảng, đoàn thể:* Đến năm 2025, tổ chức đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt trên 95%; tỷ lệ đảng viên trên 4% dân số; có 70% ban công tác mặt trận, chi đoàn, chi hội, Hội quán, Tổ Nhân dân tự quản hoạt động từ khá trở lên.

***6.3- Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2020 - 2025***

**(1)** Thực hiện có hiệu quả quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tập trung phát triển nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng và thương mại, dịch vụ, chú trọng liên kết với các địa phương trong phát triển đô thị, công nghiệp và thương mại, dịch vụ để phục vụ nền nông nghiệp phát triển bền vững; đào tạo nghề, hỗ trợ, tạo điều kiện chuyển đổi nghề, khuyến khích đi lao động ở nước ngoài.

**(2)** Đẩy mạnh đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông. Giữ vững cân đối thu, chi ngân sách hàng năm. Phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng hợp tác, liên kết, thị trường, sản xuất an toàn, tăng tỷ lệ sản phẩm bảo quản, chế biến sau thu hoạch; giữ vững các ngành công nghiệp có lợi thế và tập trung phát triển mạnh ngành công nghiệp chế biến thực phẩm; khai thác, sử dụng năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời).

**(3)** Tập trung phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của Tỉnh.

**(4)** Giữ vững quốc phòng, an ninh, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm ma tuý và vi phạm pháp luật trong thanh thiếu niên.

**(5)** Thực hiện hiệu quả việc chuyển đổi số trên 03 lĩnh vực: Xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Xây dựng chính quyền các cấp của dân, do dân và vì dân. Tăng cường công khai, minh bạch, chất lượng, hiệu quả, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực gắn với kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động Nhà nước và của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

**(6)** Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ chủ chốt có phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nhất là trong tham gia tự quản, xây dựng cộng đồng dân cư, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; củng cố và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; khơi dậy mạnh mẽ ý chí, niềm tin và khát vọng vươn lên xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

***6.4- Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu***

**(1)** Xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh.

**(2)** Khai thác tiềm năng kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực đầu tư, khắc phục điểm nghẽn về hạ tầng giao thông, quản lý tốt tài nguyên và bảo vệ môi trường.

**(3)** Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, xây dựng môi trường văn hoá, phát triển con người toàn diện và bảo đảm an sinh xã hội.

**(4)** Xây dựng bộ máy chính quyền địa phương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

**(5)** Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa đi đôi với kỷ cương, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của nhân dân; tiếp tục tạo chuyển biến mạnh mẽ công tác dân vận và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân;

**(6)** Tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bảo đảm ổn định và phát triển.

***6.5- 05 đột phá chiến lược phát triển trong giai đoạn 2020 - 2025***

**(1)** Đẩy nhanh phát triển hạ tầng giao thông, tạo nền tảng kết nối và phát triển các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, du lịch gắn kết hài hoà với phát triển đô thị; tranh thủ các nguồn vốn đầu tư mở rộng các tuyến quốc lộ, các đường cao tốc qua địa bàn Tỉnh. Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường tỉnh, đường huyện và hệ thống giao thông nông thôn hiện có và đầu tư xây dựng các tuyến đường mới phục vụ cho phát triển công nghiệp, nông nghiệp, du lịch.

**(2)** Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển trong điều kiện tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục trong Tỉnh, nhất là chất lượng giảng dạy tại Trường Cao đẳng Cộng đồng, Trường Cao đẳng Y tế. Liên kết với các trường đại học trong và ngoài nước để đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Quan tâm đào tạo, chuyển giao công nghệ và kiến thức quản lý kinh tế cho nông dân.

**(3)** Tăng cường liên kết, hợp tác phát triển kinh tế nông nghiệp quy mô lớn, phát triển nền nông nghiệp thông minh. Đẩy mạnh phát triển ngành hàng hoa kiểng và phát huy lợi thế của làng hoa Sa Đéc lan toả ra toàn Tỉnh. Phát triển nhanh diện tích trồng cây ăn trái.

**(4)** Tập trung phát triển doanh nghiệp và đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp theo hướng nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả, đóng vai trò là động lực phát triển kinh tế, gắn kết nguồn lực và tham gia chuỗi các ngành hàng chủ lực của Tỉnh.

**(5)** Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh; thực hiện tốt cải cách hành chính trong Đảng; nâng cao hiệu quả và chất lượng hoạt động của chi bộ đảng.

Với phương châm Đại hội: **“Đoàn kết - Kỷ cương - Dân chủ - Phát triển”**, Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên, quân và dân tỉnh nhà đoàn kết một lòng, năng động, sáng tạo, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”./.

CHUYÊN ĐỀ 2

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHỮNG NỘI DUNG TRỌNG TÂM, CƠ BẢN**

**CỦA NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

**VÀ NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG THỜI GIAN TỚI**

-----

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHỮNG NỘI DUNG TRỌNG TÂM, CƠ BẢN CỦA NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

**I. Kết quả phát triển giáo dục giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

**1. Những việc làm được**

Thực hiện Nghị quyết số 59/2016/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về nâng cao chất lượng giáo dục tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016 - 2020, ngành giáo dục phối hợp các sở, ngành liên quan và Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện nhiều biện pháp khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương để phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo nói chung - nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện nói riêng và đạt được một số kết quả khả quan:

a) Các cơ sở giáo dục công lập trong tỉnh được sắp xếp phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội địa phương, góp phần thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục.

b) Chất lượng giảng dạy và năng lực quản trị trường học của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý từng bước được nâng lên, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý và dạy học ngày càng phổ biến. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hàng năm duy trì ở mức cao, học sinh đạt thành tích tốt trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế về văn hóa và các giải thể dục thể thao. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các ngành học, cấp học tăng so với năm 2015. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đạt kết quả tốt.

c) Việc kêu gọi đầu tư xã hội hóa có nhiều tiến triển, đặt nền móng cho việc thay đổi tư duy quản lý, đáp ứng nhu cầu về dịch vụ giáo dục chất lượng cao, phát triển kỹ năng mềm cho học sinh, hiện có 08 dự án đầu tư vào lĩnh vực giáo dục, trong đó có 06 dự án đã đi vào hoạt động.

d) Tỉnh đẩy mạnh hợp tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước để tiếp cận với các chương trình đào tạo tiên tiến, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Một số chỉ tiêu về giáo dục của Tỉnh đã vượt mặt bằng chung khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.

**2. Hạn chế**

Tỷ lệ huy động trẻ mầm non (nhà trẻ, mẫu giáo) chưa đạt; tỷ lệ bỏ học ở cấp tiểu học tăng do nguyên nhân khách quan vì dịch bệnh Covid – 19.

Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông tuy có tăng so với năm 2016 nhưng chưa đạt chỉ tiêu năm 2020.

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của nhà giáo, cán bộ quản lý tăng so với năm 2016 nhưng theo quy định của Luật Giáo dục 2019, số giáo viên, cán bộ quản lý ngành học mầm non và cấp tiểu học chưa đạt chuẩn còn nhiều;…

*(xem phụ lục 1).*

**II. Định hướng phát triển giáo dục giai đoạn 2021 - 2025**

**1. Mục tiêu**

a) Mục tiêu chung

Phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Đồng Tháp theo hướng toàn diện, hiện đại, chuẩn hóa, xã hội hoá và hội nhập quốc tế. Triển khai thực hiện hiệu quả việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo lộ trình của Chính phủ, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, năng lực sáng tạo, thực hành, ngoại ngữ và tin học cho người học; đẩy mạnh giáo dục chất lượng cao, thực hiện một số mô hình, chương trình giáo dục tiên tiến, hợp tác quốc tế ở các cơ sở giáo dục để từng bước đổi mới chương trình giáo dục ở 02 trường trung học phổ thông chuyên và một số trường trung học phổ thông, cơ sở giáo dục tư thục có điều kiện tiệm cận chuẩn đầu ra của khu vực và thế giới, đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa địa phương; phát triển giáo dục thể chất và phong trào thể dục, thể thao học đường.

Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên đủ số lượng, cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ đào tạo và năng lực, phẩm chất. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục theo hướng đạt chuẩn quốc gia, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và xóa mù chữ. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển các trường chất lượng cao ở tất cả ngành học, cấp học. Tăng cường giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục, thí điểm chuyển đổi mô hình trường công lập sang cơ sở giáo dục ngoài công lập. Phấn đấu chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn của tỉnh xếp trong nhóm dẫn đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

*Huy động học sinh ra lớp:*

- Nhà trẻ: 35%; Mẫu giáo 03 - 05 tuổi: 90%; Mẫu giáo 05 tuổi: 90%.

- Tiểu học: 99,9%; Trung học cơ sở: 97%; Trung học phổ thông: 68%.

*Chất lượng chăm sóc, giáo dục:*

- Ngành học mầm non: Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 1%; tỷ lệ trẻ 05 tuổi đạt chuẩn phát triển trên 99%.

- Cấp Tiểu học: Tỷ lệ học sinh giảm thô dưới 0,2%; tỷ lệ học sinh đạt mức “Hoàn thành” các mặt theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên 99%; tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp học: 95%; 100% học sinh được đánh giá, xếp loại thể lực theo quy định.

- Cấp Trung học cơ sở: Tỷ lệ học sinh giảm thô dưới 2,5%; tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm từ trung bình trở lên trên 99%; tỷ lệ học sinh xếp loại học lực từ trung bình trở lên trên 97%; tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp học (Hiệu quả đào tạo): 95%; tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp học: 80%; 100% học sinh được đánh giá, xếp loại thể lực theo quy định.

- Cấp Trung học phổ thông: Tỷ lệ học sinh giảm thô dưới 2%; tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm từ trung bình trở lên trên 99%; tỷ lệ học sinh xếp loại học lực từ trung bình trở lên trên 97%; tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp học: 95%; tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp học: 88%; 100% học sinh được đánh giá, xếp loại thể lực theo quy định.

*Cơ sở vật chất đạt chuẩn theo Thông tư số 16/2020/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo:*

- Ngành học Mầm non: 100% các cơ sở giáo dục đạt chuẩn tối thiểu trở lên. Trong đó, 55% đạt chuẩn mức độ 1 và 25% đạt chuẩn mức độ 2.

- Cấp Tiểu học: 100% các cơ sở giáo dục đạt chuẩn tối thiểu trở lên. Trong đó, 60% đạt chuẩn mức độ 1 và 30% đạt chuẩn mức độ 2.

- Cấp Trung học cơ sở: 100% các cơ sở giáo dục đạt chuẩn tối thiểu trở lên. Trong đó, 65% đạt chuẩn mức độ 1 và 35% đạt chuẩn mức độ 2.

- Cấp Trung học phổ thông: 100% các cơ sở giáo dục đạt chuẩn tối thiểu trở lên. Trong đó, 80% đạt chuẩn mức độ 1 và 40% đạt chuẩn mức độ 2.

*Trường đạt chuẩn quốc gia:*

- Ngành học Mầm non: 50% đạt chuẩn mức độ 1 và 25% đạt chuẩn mức độ 2.

- Cấp Tiểu học: 45% đạt chuẩn mức độ 1 và 09% đạt chuẩn mức độ 2. Cấp Trung học cơ sở: 60% đạt chuẩn mức độ 1. Cấp Trung học phổ thông: 80% đạt chuẩn mức độ 1.

*Phổ cập giáo dục, xoá mù chữ:*

- Tỷ lệ người trong độ tuổi 15 - 60 biết chữ mức độ 2 trên 99%. Xã, phường, thị trấn đạt chuẩn mức 2: 100%.

- 100% xã, phường, thị trấn và 100% huyện, thành phố duy trì chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi; duy trì chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; 60% xã, phường, thị trấn và 50% huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3.

*Trình độ được đào tạo của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo quy định của Luật Giáo dục 2019:*

- Ngành học mầm non: 100% đạt chuẩn, trong đó có 75% trên chuẩn.

- Cấp Tiểu học: 90% đạt chuẩn, trong đó có 1,5% trên chuẩn. Cấp Trung học cơ sở: 100% đạt chuẩn, trong đó có 4% trên chuẩn. Cấp Trung học phổ thông: 100% đạt chuẩn, trong đó có 22% trên chuẩn.

*(Xem phụ lục 2 ).*

**2. Giải pháp**

a) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8, khoá XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hợp tác quốc tế; Chương trình hành động số 188-CTr/TU ngày 28/12/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị Trung ương 8 khóa XI.

b) Đối với giáo dục mầm non, tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025” được phê duyệt tại Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 201/2020/NĐCP ngày 08/9/2020 của Chính phủ Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

c) Đối với giáo dục phổ thông, triển khai thực hiện việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 02/11/2017 của Quốc hội; Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông được phê duyệt tại Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực giáo dục. Thực hiện đồng bộ phân cấp quản lý, hoàn thiện và triển khai cơ chế phối hợp giữa các ngành và địa phương trong quản lý nhà nước về giáo dục theo hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền gắn với trách nhiệm và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục đi đôi với hoàn thiện cơ chế công khai, minh bạch, đảm bảo sự giám sát của cơ quan nhà nước, của các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân. Bảo đảm dân chủ hóa trong giáo dục.

đ) Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đảm bảo về cơ cấu, đạt trình độ đào tạo chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục 2019. Thực hiện đầy đủ các chính sách ưu đãi về vật chất và tinh thần cho nhà giáo và cán bộ quản lý theo quy định của Nhà nước nhất là với giáo viên mầm non, xem xét ban hành cơ chế phù hợp với thực tế địa phương để thu hút các nhà giáo, nhà khoa học, chuyên gia có kinh nghiệm và uy tín trong và ngoài tỉnh tham gia phát triển giáo dục địa phương. Chú trọng nâng cao đạo đức nghề nghiệp, tác phong và tư cách của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục để làm gương cho học sinh, học viên.

e) Tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính giáo dục nhằm huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực của nhà nước và xã hội đầu tư cho giáo dục; nâng cao tính tự chủ của các cơ sở giáo dục, đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm đối với Nhà nước, người học và xã hội. Đảm bảo tỷ lệ chi cho giáo dục trong tổng ngân sách địa phương từ 20% trở lên, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và quản lý sử dụng có hiệu quả. Ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục có trọng điểm, không bình quân dàn trải. Đầu tư ưu tiên cho giáo dục phổ cập; giáo dục ở những vùng sâu, vùng khó khăn, biên giới và các đối tượng chính sách xã hội; giáo dục năng khiếu và tài năng; đào tạo nhân lực chất lượng cao. Đẩy mạnh triển khai việc đầu tư cho giáo dục bằng hình thức hợp tác công tư theo Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

**Phụ lục 1**

**Kết quả nâng cao chất lượng giáo dục tỉnh Đồng Tháp**

**giai đoạn 2016 – 2020**

**---**

**I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản**

**1. Huy động học sinh trong độ tuổi đến trường (%)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngành, cấp học | Chỉ tiêu 2020 | Thực hiện | | So với chỉ tiêu | |
| 15-16 | 19-20 | Đạt | Không |
| Mầm non |  |  |  |  |  |
| - Nhà trẻ | 30,00 | 17,02 | 23,43 |  | X [[5]](#footnote-5)(1) |
| - Mẫu giáo 3-5 T | 85,00 | 73,32 | 81,37 |  | X |
| - Mẫu giáo 5 tuổi | 99,00 | 99,90 | 96,20 |  | X |
| Phổ thông |  |  |  |  |  |
| - Tiểu học | >99,90 | 99,99 | 99,98 | X |  |
| - THCS | 95,00 | 93,36 | 97,37 | X |  |
| - THPT | 65,00 | 55,03 | 65,10 | X |  |
| TNTHCS học GDTX | 10,00 | 06,66 | 14,97 | X |  |

**2. Chất lượng chăm sóc và giáo dục (%)**

a) Giáo dục mầm non

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Chỉ tiêu 2020 | Thực hiện | | So với chỉ tiêu | |
| 15-16 | 19-20 | Đạt | Không |
| Trẻ suy dinh dưỡng | 3,00 | 2,21 | 1,06 | X |  |
| Trẻ 05 tuổi đạt chuẩn phát triển | 99,00 | 96,26 | 99,87 | X |  |

b) Giáo dục phổ thông

Cấp tiểu học:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Chỉ tiêu 2020 | Thực hiện | | So với chỉ tiêu | |
| 15-16 | 19-20 | Đạt | Không |
| HS hoàn thành CT lớp học | >99,00 | 99,27 | 99,38 | X |  |
| Tỷ lệ bỏ học | <0,10 | 0,19 | 0,14 |  | X [[6]](#footnote-6)(2) |

Cấp trung học cơ sở:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Chỉ tiêu 2020 | Thực hiện | | So với chỉ tiêu | |
| 15-16 | 19-20 | Đạt | Không |
| Xếp loại hạnh kiểm TB trở lên | 99,90 | 99,98 | 99,99 | X |  |
| Xếp loại học lực từ TB trở lên | 95,00 | 97,27 | 97,26 | X |  |
| Tỷ lệ bỏ học | 1,50 | 1,04 | 0,57 | X |  |

Cấp trung học phổ thông:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Chỉ tiêu 2020 | Thực hiện | | So với chỉ tiêu | |
| 15-16 | 19-20 | Đạt | Không |
| Xếp loại hạnh kiểm TB trở lên | 99,60 | 99, 73 | 99,92 | X |  |
| Xếp loại học lực từ TB trở lên | 92,00 | 96,81 | 99,01 | X |  |
| Tỷ lệ bỏ học | 1,50 | 1,02 | 0,67 | X |  |

c) Giáo dục thường xuyên

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Chỉ tiêu 2020 | Thực hiện | | So với chỉ tiêu | |
| 15-16 | 19-20 | Đạt | Không |
| Tỷ lệ bỏ học | < 15,00 | 18,50 | 13,66 | X |  |

**3. Phổ cập giáo dục và xoá mù chữ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Chỉ tiêu 2020 | Thực hiện | | So với chỉ tiêu | |
| 15-16 | 19-20 | Đạt | Không |
| Người trong độ tuổi từ 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ (%) | 90,00 | 89,59 | 99,32 | X |  |
| Duy trì PCGD |  |  |  |  |  |
| - Mầm non 05 tuổi |  |  |  |  |  |
| + Xã, phường, thị trấn (%) | 100,00 | 100,00 | 100,00 | X |  |
| + Huyện, TP (X) | X | X | X | X |  |
| - Tiểu học |  |  |  |  |  |
| + Xã, phường, thị trấn (%) | 100,00 | 100,00 | 100,00 | X |  |
| + Huyện, TP (X) | X | X | X | X |  |
| - THCS |  |  |  |  |  |
| + Xã, phường, thị trấn (%) | 100,00 | 100,00 | 100,00 | X |  |
| + Huyện, TP (X) | X | X | X | X |  |

**4. Trường học đạt chuẩn quốc gia (%)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Chỉ tiêu 2020 | Thực hiện | | So với chỉ tiêu | |
| 15-16 | 19-20 | Đạt | Không |
| Mầm non | 30,00 | 21,62 | 48,89 | X |  |
| Tiểu học | 40,00 | 26,88 | 42,40 | X |  |
| Trung học cơ sở | 60,00 | 33,10 | 52,90 |  | X [[7]](#footnote-7)(3) |
| Trung học phổ thông | 80,00 | 53,49 | 67,44 |  | X |

**5. Xây dựng đội ngũ (%)**

a) Giáo viên

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Chỉ tiêu 2020 | Thực hiện | | So với chỉ tiêu | |
| 15-16 | 19-20 | Đạt | Không |
| Mầm non |  |  |  |  |  |
| - Đạt chuẩn | 100,00 | 99,96 | 100,00 | X |  |
| - Trên chuẩn | 90,00 | 81,11 | 88,78 |  | X [[8]](#footnote-8)(4) |
| - Sử dụng CNTT | 80,00 | 79,74 | 96,61 | X |  |
| Tiểu học |  |  |  |  |  |
| - Đạt chuẩn | 100,00 | 99,93 | 100,00 | X |  |
| - Trên chuẩn | 97,00 | 94,20 | 93,73 |  | X |
| - Sử dụng CNTT | 80,00 | 79,06 | 93,57 | X |  |
| Trung học cơ sở |  |  |  |  |  |
| - Đạt chuẩn | 100,00 | 98,96 | 100,00 | X |  |
| - Trên chuẩn | 85,00 | 81,88 | 86,28 | X |  |
| - Sử dụng CNTT | 80,00 | 79,91 | 89,72 | X |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Chỉ tiêu 2020 | Thực hiện | | So với chỉ tiêu | |
| 15-16 | 19-20 | Đạt | Không |
| Trung học phổ thông |  |  |  |  |  |
| - Đạt chuẩn | 100,00 | 99,88 | 100,00 | X |  |
| - Trên chuẩn | 22,00 | 13,80 | 16,70 |  | X |
| - Sử dụng CNTT | 80,00 | 79,05 | 91,31 | X |  |

b) Cán bộ quản lý

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Chỉ tiêu 2020 | Thực hiện | | So với chỉ tiêu | |
| 15-16 | 19-20 | Đạt | Không |
| Mầm non |  |  |  |  |  |
| - Đạt chuẩn | 100,00 | 99,72 | 100,00 | X |  |
| - Bồi dưỡng CBQL | 100,00 | 90,70 | 98,98 |  | X |
| - Sử dụng CNTT | 100,00 | 93,19 | 100,00 | X |  |
| Tiểu học |  |  |  |  |  |
| - Đạt chuẩn | 100,00 | 97,92 | 100,00 | X |  |
| - Bồi dưỡng CBQL | 100,00 | 92,96 | 99,41 |  | X |
| - Sử dụng CNTT | 100,00 | 89,08 | 100,00 | X |  |
| Trung học cơ sở |  |  |  |  |  |
| - Đạt chuẩn | 100,00 | 97,92 | 100,00 | X |  |
| - Bồi dưỡng CBQL | 100,00 | 91,44 | 99,65 |  | X |
| - Sử dụng CNTT | 100,00 | 90,24 | 100,00 | X |  |

**II. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu nâng cao**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Chỉ tiêu 2020 | Thực hiện | | So với chỉ tiêu | |
| 15-16 | 19-20 | Đạt | Không |
| Trường MN đạt chuẩn MĐ 2 | 24 đ/v | 04 | 34 | X |  |
| Tiểu học |  |  |  |  |  |
| - Dạy 02b/ngày | 75,00 | 66,25 | 89,67 | X |  |
| - Dạy học ngoại ngữ | 100% | 94,06 | 100,00 | X |  |
| - Trường đạt chuẩn MĐ 2 | 12 đ/v |  | 10 |  | X |
| - Xã đạt PCGD MĐ 2 | 30% | 18,06 | 100,00 | X |  |
| Trung học cơ sở |  |  |  |  |  |
| - Xã đạt PCGD MĐ 2 | 35% | 20,83 | 92,36 | X |  |
| Trung học phổ thông |  |  |  |  |  |
| - HSG quốc gia |  |  |  |  |  |
| + Xếp hạng trong khu vực | III | IV | III | X |  |
| + HS giải I | Phấn đấu |  | III quốc tế | X |  |

**Phụ lục 2**

**Mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục tỉnh Đồng Tháp**

**giai đoạn 2021 - 2015**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chỉ tiêu | ĐV tính | Thực hiện 2016-2020 | Chỉ tiêu 2021-2025 | Ghi chú |
| 1 | Huy động học sinh ra lớp |  |  |  |  |
| 1.1 | Mầm non |  |  |  |  |
|  | - Nhà trẻ | % | 23,43 | 35,00 | [[9]](#footnote-9)(1) |
|  | - Mẫu giáo 03 – 05 tuổi | % | 81,37 | 90,00 | [[10]](#footnote-10)(2) |
| 1.2 | Tiểu học | % | 99,98 | 99,90 |
| 1.3 | Trung học cơ sở | % | 97,37 | 97,00 |
| 1.4 | Trung học phổ thông | % | 65,10 | 68,00 |
| 2 | Chất lượng chăm sóc, giáo dục |  |  |  |  |
| 2.1 | Mầm non |  |  |  |  |
|  | - Tỷ lệ suy dinh dưỡng | % | 1,06 | < 1,00 |  |
|  | - Trẻ 05 tuối đạt chuẩn phát triển | % | 99,87 | > 99,00 |  |
| 2.2 | Tiểu học |  |  |  |  |
|  | - Tỷ lệ HS giảm thô | % | 0,23 | < 0,20 |  |
|  | - Tỷ lệ học sinh đạt mức “Hoàn thành” các mặt theo quy định của Bộ GDĐT | % | 99,33 | > 99,00 |  |
|  | - Hiệu quả đào tạo | % | 92,98 | 95,00 |  |
| 2.3 | Trung học cơ sở |  |  |  |  |
|  | - Tỷ lệ HS giảm thô | % | 3,36 | < 2,50 |  |
|  | - Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm từ trung bình trở lên | % | 99,99 | > 99,00 |  |
|  | - Tỷ lệ HS xếp loại học lực từ trung bình trở lên | % | 97,26 | > 97,00 |  |
|  | - Hiệu quả đào tạo | % | 76,06 | 80,00 |  |
| 2.4 | Trung học phổ thông |  |  |  |  |
|  | - Tỷ lệ HS giảm thô | % | 2,59 | < 2,00 |  |
| TT | Chỉ tiêu | ĐV tính | Thực hiện 2016-2020 | Chỉ tiêu 2021-2025 | Ghi chú |
|  | - Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm từ trung bình trở lên | % | 99,92 | > 99,00 |  |
|  | - Tỷ lệ HS xếp loại học lực từ trung bình trở lên | % | 99,01 | > 97,00 |  |
|  | - Hiệu quả đào tạo | % | 86,26 | 88,00 |  |
| 3 | CSVC đạt chuẩn |  |  |  | [[11]](#footnote-11)(3) |
| 3.1 | Mầm non |  |  |  |  |
|  | - Chuẩn tối thiểu | % |  | 100,00 |  |
|  | - Mức độ 1 | % |  | 55,00 |  |
|  | - Mức độ 2 | % |  | 25,00 |  |
| 3.2 | Tiểu học |  |  |  |  |
|  | - Chuẩn tối thiểu | % |  | 100,00 |  |
|  | - Mức độ 1 | % |  | 60,00 |  |
|  | - Mức độ 2 | % |  | 30,00 |  |
| 3.3 | Trung học cơ sở |  |  |  |  |
|  | - Chuẩn tối thiểu | % |  | 100,00 |  |
|  | - Mức độ 1 | % |  | 65,00 |  |
|  | - Mức độ 2 | % |  | 35,00 |  |
| 3.4 | Trung học phổ thông |  |  |  |  |
|  | - Chuẩn tối thiểu | % |  | 100,00 |  |
|  | - Mức độ 1 | % |  | 80,00 |  |
|  | - Mức độ 2 | % |  | 40,00 |  |
| 4 | Trường đạt chuẩn quốc gia |  |  |  |  |
| 4.1 | Mầm non |  |  |  | [[12]](#footnote-12)(4) |
|  | - Mức độ 1 | % | 48,89 | 50,00 |  |
|  | - Mức độ 2 | % | 18,99 | 25,00 |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chỉ tiêu | ĐV tính | Thực hiện 2016-2020 | Chỉ tiêu 2021-2025 | Ghi chú |
| 4.2 | Tiểu học |  |  |  | [[13]](#footnote-13)(5) |
|  | - Mức độ 1 | % | 42,40 | 45,00 |  |
|  | - Mức độ 2 | % | 03,16 | 09,00 |  |
| 4.3 | Trung học cơ sở | % | 52,90 | 60,00 | [[14]](#footnote-14)(6) |
| 4.4 | Trung học phổ thông | % | 67,44 | 80,00 |
| 5 | Phổ cập giáo dục, xoá mù chữ |  |  |  |  |
| 5.1 | Xoá mù chữ |  |  |  |  |
|  | - 15-60 biết chữ mức 2 | % | 97,26 | > 99,00 |  |
|  | - Xã, phường, thị trấn đạt chuẩn XMC mức 2 | % | 96,50 | 100,00 |  |
| 5.2 | PCGDMN cho trẻ 05 tuổi |  |  |  |  |
|  | - Xã, phường, thị trấn duy trì chuẩn | % | 100,00 | 100,00 |  |
|  | - Huyện, thị xã, thành phố duy trì chuẩn | % | 100,00 | 100,00 |  |
| 5.3 | PCGD tiểu học |  |  |  |  |
|  | - Xã, phường, thị trấn duy trì chuẩn mức độ 3 | % | 100,00 | 100,00 |  |
|  | - Huyện, thị xã, thành phố duy trì chuẩn mức độ 3 | % | 100,00 | 100,00 |  |
| 5.4 | PCGD trung học cơ sở |  |  |  |  |
|  | - Xã, phường, thị trấn đạt chuẩn mức độ 3 | % | 43,06 | 60,00 |  |
|  | - Huyện, thị xã, thành phố duy trì chuẩn mức độ 3 | % | 0,00 | 50,00 |  |
| 6 | Xây dựng đội ngũ GV, CBQL |  |  |  | [[15]](#footnote-15)(7) |
| 6.1 | Mầm non |  |  |  |  |
|  | - Đạt chuẩn | % | 89,90 | 100,00 |  |
| TT | Chỉ tiêu | ĐV tính | Thực hiện 2016-2020 | Chỉ tiêu 2021-2025 | Ghi chú |
|  | - Trên chuẩn | % | 72,82 | 75,00 | [[16]](#footnote-16)(8) |
| 6.2 | Tiểu học |  |  |  | [[17]](#footnote-17)(9) |
|  | - Đạt chuẩn | % | 71,82 | 90,00 |  |
|  | - Trên chuẩn | % | 0,49 | 1,50 |  |
| 6.3 | Trung học cơ sở |  |  |  | [[18]](#footnote-18)(10) |
|  | - Đạt chuẩn | % | 86,58 | 100,00 |  |
|  | - Trên chuẩn | % | 2,38 | 4,00 |  |
| 6.4 | Trung học phổ thông |  |  |  | [[19]](#footnote-19)(11) |
|  | - Đạt chuẩn | % | 100,00 | 100,00 |  |
|  | - Trên chuẩn | % | 18,80 | 22,00 |  |

B. NỘI DUNG VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRONG DỰ THẢO CÁC VĂN KIỆN TRÌNH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị; Hướng dẫn số 151-HD/BTGTW ngày 10/9/2020 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc công bố, lấy ý kiến của nhân dân vào dự thảo các Văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo, nội dung chủ yếu của dự thảo các văn kiện như sau:

**I. Dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng**

**1. Kết quả đạt được**

Chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo được tích cực triển khai, bước đầu có hiệu quả. Mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo tiếp tục được mở rộng về quy mô. Giáo dục và đào tạo ở những vùng khó khăn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số được chú trọng hơn. Chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới được ban hành và đang triển khai theo lộ trình; phương pháp giảng dạy và học tập có bước đổi mới. Giáo dục mầm non đạt chuẩn phổ cập cho trẻ em 5 tuổi và giáo dục phổ thông có chuyển biến tích cực, được thế giới công nhận.

Công tác thi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực chất, hiệu quả hơn. Quản lý, quản trị đại học có bước đổi mới, chất lượng giáo dục đại học từng bước được nâng lên. Giáo dục nghề nghiệp có nhiều chuyển biến. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được chú trọng cả về số lượng và chất lượng. Chi đầu tư cho giáo dục và xã hội hoá giáo dục được tăng cường. Cơ chế, chính sách tài chính cho giáo dục và đào tạo từng bước đổi mới. Cơ chế tự chủ, cơ chế cung ứng dịch vụ công trong giáo dục và đào tạo được thể chế hoá và đạt kết quả bước đầu. Hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo tiếp tục được mở rộng.

**2. Hạn chế**

Đổi mới *tư duy và hoạt động giáo dục và đào tạo* chưa đáp ứng tốt yêu cầu đặt ra; một số nhiệm vụ, giải pháp đổi mới còn thiếu hệ thống, chưa ổn định. Chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo chưa cao. Hệ thống giáo dục và đào tạo chưa bảo đảm tính đồng bộ và liên thông giữa các trình độ, các phương thức giáo dục và đào tạo. Nội dung, chương trình giáo dục và đào tạo còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành. Đào tạo vẫn thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động.

Chưa chú trọng đúng mức đến phát triển phẩm chất và kỹ năng người học. Giáo dục "làm người", đạo đức, lối sống còn bị xem nhẹ. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, trên một số mặt vẫn còn bất cập về chất lượng, số lượng, cơ cấu và chính sách đãi ngộ. Quản lý nhà nước và quản lý - quản trị nhà trường còn nhiều hạn chế. Nguy cơ tái mù chữ có xu hướng tăng ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

**3. Định hướng phát triển giai đoạn 2021 - 2030**

Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và trọng dụng nhân tài. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới.

Xây dựng đồng bộ thể chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước. Tiếp tục đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chú trọng giáo dục đạo đức, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, nâng cao tầm vóc con người Việt Nam.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân, đặc biệt chú trọng giáo dục mầm non, tiểu học, tạo tiền đề và bảo đảm điều kiện thuận lợi để mỗi người dân đều được thụ hưởng một cách công bằng thành quả của nền giáo dục. Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục. Thực hiện tốt hơn phân luồng học sinh sau trung học cơ sở. Đa dạng hoá các loại hình đào tạo. Thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời. Đẩy mạnh tự chủ đại học. Có chính sách đột phá phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục đại học. Thúc đẩy phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao. Xây dựng các cơ chế, chính sách và giải pháp để đào tạo lại lực lượng lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển giáo dục Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, lấy chất lượng và hiệu quả đầu ra làm thước đo. Xây dựng và triển khai thực hiện lộ trình tiến tới miễn học phí đối với học sinh phổ thông, trước hết là đối với học sinh tiểu học và trung học cơ sở. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển các cơ sở đào tạo ngoài công lập phù hợp với xu thế của thế giới và điều kiện của Việt Nam trên cơ sở bảo đảm công bằng xã hội và các giá trị cơ bản của định hướng xã hội chủ nghĩa. Quan tâm thích đáng đến phát triển giáo dục ở miền núi, vùng cao, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của các cơ sở giáo dục và đào tạo. Gắn kết chặt chẽ giáo dục và đào tạo với nghiên cứu, triển khai, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ mới; hình thành các trung tâm nghiên cứu xuất sắc, các nhóm đổi mới sáng tạo mạnh. Cùng với đề cao vị trí, vai trò và trách nhiệm xã hội, cần đổi mới mạnh mẽ chính sách đãi ngộ, chăm lo xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt. Sắp xếp, đổi mới căn bản hệ thống các cơ sở đào tạo sư phạm, thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách và giải pháp để cải thiện mức sống, nâng cao trình độ và chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Nhà nước tiếp tục tăng đầu tư cho giáo dục và đào tạo gắn với đổi mới cơ chế để nâng cao hiệu quả đầu tư. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục và đào tạo đúng hướng, hợp lý. Đầu tư thích đáng cho giáo dục và đào tạo chất lượng cao, trình độ cao; có chính sách đầu tư đặc thù cho vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội trong giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh đổi mới đồng bộ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý và quản trị nghiệp vụ chuyên môn trong giáo dục và đào tạo, từng bước thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục và đào tạo. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kiên quyết khắc phục bệnh thành tích, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các tiêu cực trong giáo dục và đào tạo. Hoàn thiện và thực hiện ổn định các phương thức đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục và đào tạo, thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng và đào tạo nghề. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả chiến lược hợp tác và hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo. Phấn đấu đưa nước ta trở thành một quốc gia mạnh về giáo dục và đào tạo ở khu vực, bắt kịp với trình độ tiên tiến của thế giới, tham gia vào thị trường đào tạo nhân lực quốc tế.

**II. Dự thảo báo cáo Tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020, xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030**

**1. Kết quả đạt được**

Việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục - đào tạo được triển khai tích cực theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế. Xây dựng và triển khai hệ thống giáo dục quốc dân và khung trình độ quốc gia mới. Mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo tiếp tục được mở rộng ở tất cả các cấp học, bậc học, ngành học[[20]](#footnote-20). Quan tâm phát triển giáo dục vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm công bằng hơn trong tiếp cận giáo dục. Chương trình, sách giáo khoa, nội dung, phương pháp giáo dục, thi cử, kiểm định chất lượng đào tạo được đổi mới phù hợp hơn và giảm áp lực, chi phí xã hội. Chú trọng dạy và học đạo đức, kỹ năng sống, ngoại ngữ, giáo dục thể chất. Từng bước thực hiện cơ chế tự chủ đối với cơ sở giáo dục - đào tạo. Chất lượng giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, nghề nghiệp được nâng lên; các đoàn học sinh dự thi Olympic quốc tế và thi tay nghề đều đạt kết quả cao[[21]](#footnote-21). Trong thời gian dịch bệnh Covid-19, ngành giáo dục - đào tạo đã bước đầu tiếp cận dạy và học qua Internet, truyền hình với nhiều hình thức khác nhau.

Phát triển nguồn nhân lực gắn với khoa học, công nghệ đạt được kết quả tích cực. Nhiều cơ sở giáo dục - đào tạo có cơ chế khuyến khích sinh viên, học viên nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là thông qua quỹ phát triển khoa học, công nghệ. Công tác đào tạo nhân lực đã từng bước thay đổi theo hướng đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, người sử dụng lao động, thị trường. Nhiều cơ sở giáo dục đại học, nghề nghiệp hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp để đào tạo theo đặt hàng. Nhiều doanh nghiệp mở các cơ sở đào tạo nghề nghiệp phục vụ trực tiếp cho doanh nghiệp và cung ứng cho thị trường.

**2. Hạn chế**

Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Hiệu quả giáo dục và đào tạo còn hạn chế, nặng về lý thuyết, nhẹ về thực hành, chưa quan tâm đúng mức các kỹ năng xã hội, kỹ năng sống, kỹ năng sáng tạo, khả năng tự học… Cơ cấu đào tạo chưa thực sự gắn với nhu cầu của thị trường và chưa đáp ứng kịp thời cho Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nguồn nhân lực chất lượng cao tăng chậm, chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng lao động; thiếu nhân lực chất lượng cao ở nhiều lĩnh vực, ngành nghề. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục có nơi còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Chưa gắn kết chặt chẽ, toàn diện giữa phát triển nguồn nhân lực với phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ

**3. Định hướng giai đoạn 2021 - 2030**

Đột phá chiến lược: Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam. Đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, trọng tâm là hiện đại hoá và thay đổi phương thức giáo dục, đào tạo, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài; có chính sách vượt trội để thu hút, trọng dụng nhân tài, chuyên gia cả trong và ngoài nước.

Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp: Phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

- Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khoẻ, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực số, nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp; nhân lực quản lý xã hội và tổ chức cuộc sống, chăm sóc con người.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt; bảo đảm thống nhất với đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nhất là ở nông thôn. Chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên lực lượng lao động. Hình thành đội ngũ lao động lành nghề, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và sử dụng lao động. Đổi mới chế độ tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo. Nghiên cứu để hoàn thiện, ổn định hệ thống sách giáo khoa và chế độ thi cử ở các cấp học. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý dạy và học trực tuyến, qua Internet, truyền hình, các hoạt động xã hội, ngoại khoá, nghiên cứu khoa học; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế (công dân toàn cầu).

- Thực hiện phổ cập giáo dục mầm non và giáo dục tiểu học bắt buộc. Đưa vào chương trình giáo dục phổ thông nội dung kỹ năng số và ngoại ngữ tối thiểu. Đẩy mạnh phân luồng sau trung học cơ sở; định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông. Giảm tỉ lệ mù chữ ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

- Sắp xếp lại hệ thống trường học; phát triển hài hoà giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng, miền, ưu tiên các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách. Đa dạng hoá các loại hình đào tạo, hoàn thiện chính sách phát triển các cơ sở đào tạo ngoài công lập, thực hiện cơ chế tự chủ đối với đào tạo bậc đại học phù hợp với xu thế chung của thế giới. Có cơ chế hỗ trợ xây dựng một số trường đại học lớn và đại học sư phạm trở thành những trung tâm đào tạo có uy tín trong khu vực và thế giới.

- Thực hiện cơ chế tự chủ một số trường phổ thông tại các đô thị lớn, các nơi có điều kiện; thí điểm cơ chế cho thuê một số cơ sở giáo dục sẵn có theo nguyên tắc bảo đảm tất cả học sinh được đến trường. Xây dựng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập; thực hiện đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động. Đặc biệt, chú ý phát hiện, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút nhân tài cho phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy và học ngoại ngữ, coi trọng dạy và học tiếng Anh. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

**III.** [**Dự thảo Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025**](https://file1.dangcongsan.vn/data/0/documents/2020/10/19/huyennt/vk13-duthaobaocaodanhgiakinhte.doc)

**1. Kết quả đạt được**

Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đang được tích cực triển khai. Đã ban hành chương trình giáo dục phổ thông mới (năm 2018), trong đó chuyển dần từ việc cung cấp kiến thức, kỹ năng sang phát triển năng lực, phẩm chất học sinh. Chất lượng giáo dục phổ thông được nâng cao, được nhiều nước trên thế giới đánh giá cao và quan tâm nghiên cứu. Thực hiện cơ chế tự chủ, xã hội hoá đối với một số cơ sở giáo dục - đào tạo, thí điểm với các cơ sở giáo dục đại học công lập theo hướng tự chủ cao hơn. Tiến hành chuẩn hoá đội ngũ nhà giáo các cấp. Triển khai tích cực công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công khai kết quả thực hiện.

Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông đã được quan tâm hơn, góp phần chuyển biến mạnh mẽ công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông. Khuyến khích, hỗ trợ khởi nghiệp đối với học sinh, sinh viên được đẩy mạnh triển khai thực hiện. Rà soát, quy hoạch lại mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo, dạy nghề; đầu tư trọng tâm, trọng điểm các trường, các ngành tiến tới đạt chuẩn khu vực và thế giới. Nhiều cơ sở giáo dục - đào tạo có cơ chế khuyến khích sinh viên, học viên nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là thông qua quỹ phát triển khoa học, công nghệ. Trong thời gian dịch bệnh Covid-19, ngành giáo dục - đào tạo đã bước đầu tiếp cận dạy và học qua Internet, truyền hình với nhiều hình thức khác nhau.

**2. Hạn chế**

Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; còn nặng về lý thuyết, nhẹ về thực hành, chưa quan tâm đúng mức đến kỹ năng xã hội, kỹ năng sống và khả năng tự học, kỹ năng sáng tạo... Một số nhiệm vụ đổi mới giáo dục và đào tạo triển khai còn chậm; hệ thống trường lớp phân bổ chưa hợp lý, một số nơi còn thiếu, xuống cấp. Cơ sở hạ tầng đại học ít được đầu tư, nhất là các phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành… Việc đào tạo một số ngành nghề đặc thù còn khó khăn; chưa có cơ chế đặt hàng đào tạo đối với một số ngành, lĩnh vực, đối tượng.

**3. Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp**

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là hiện đại hoá, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo để đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế sâu rộng

Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao trong các ngành, lĩnh vực chủ yếu đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nhất là ở nông thôn. Triển khai có hiệu quả hệ thống giáo dục quốc dân mới theo các mục tiêu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo. Đa dạng hoá phương thức đào tạo dựa theo mô hình giáo dục mở, khung trình độ quốc gia, gắn với thị trường và đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số.

Rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo trên cả nước đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập và gắn với quy hoạch nguồn nhân lực và phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, phân luồng, liên thông trong giáo dục, đào tạo. Tăng cường đào tạo thường xuyên và đào tạo lại cho người lao động.

Đẩy mạnh giáo dục kỹ năng, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ thông tin, công nghệ số trong giáo dục - đào tạo; thực hiện theo lộ trình phổ cập kỹ năng số, kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh mạng đạt trình độ cơ bản cho người dân. Tiến tới phổ cập trung học phổ thông gắn với phân luồng trong giáo dục. Giảm tỉ lệ mù chữ, bỏ học ở miền núi. Phổ cập, xoá mù về công nghệ, tri thức công nghệ cho người dân. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Tăng cường công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục; xếp hạng các trường đại học.

Quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, chú trọng các trường sư phạm đào tạo giáo viên; phát triển cơ sở giáo dục đại học chất lượng cao theo chuẩn khu vực và thế giới, ưu tiên nguồn lực phát triển các trường công nghệ. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ ở các cấp học và trình độ đào tạo. Phấn đấu chỉ số phát triển con người (HDI) đạt khoảng 0,7; số sinh viên đại học đạt 270 sinh viên trên 1 vạn dân vào năm 2025./.

C. CẬP NHẬT CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**PHẦN 1. CẬP NHẬT CÁC VĂN BẢN**

**I. Nghị định số 90/2020/NĐ-CP về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức**

**1. Hiệu lực thi hành**

**Nghị định số 90/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2020.**

**2. Bãi bỏ**

- Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ quy định về đánh giá và phân loại đối với cán bộ, công chức, viên chức;

- Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ quy định về đánh giá và phân loại đối với cán bộ, công chức, viên chức.

**3. Một số điểm cần lưu ý**

**3.1. Không đánh giá chất lượng CBCCVC chưa công tác đủ 6 tháng** (Khoản 3 Điều 2 **Nghị định số 90/2020/NĐ-CP**)

**3.2. Hướng dẫn xếp loại hàng năm với cán bộ, công chức nghỉ thai sản**

Khoản 3 Điều 2 **Nghị định số 90/2020/NĐ-CP** quy định: “CBCCVC nghỉ chế độ thai sản theo quy định của pháp luật thì kết quả xếp loại chất lượng trong năm là kết quả xếp loại chất lượng của thời gian làm việc thực tế của năm đó”

**3.3.** Điều 21, Nghị định số 90/2020/NĐ-CP **quy định Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC được sử dụng làm cơ sở để liên thông trong đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên**

**3.4. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC sẽ được thực hiện theo bộ tiêu chí mới,** không yêu cầu tiêu chí phải “Có ít nhất 01 công trình khoa học, đề án, đề tài hoặc sáng kiến được áp dụng có hiệu quả trong hoạt động công vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị được cấp có thẩm quyền công nhận”.

Nghị định số 90/2020/NĐ-CP đã bãi bỏ quy định tại [Nghị định số 56/2015/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-56-2015-nd-cp-danh-gia-phan-loai-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-43c0a.html) về trường hợp cán bộ, công chức, viên chức không hoàn thành nhiệm vụ do yếu tố khách quan, bất khả kháng thì được xem xét trong quá trình đánh giá, phân loại

**3.5.** Đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý thì không có bước lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của cấp ủy đảng cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi viên chức không giữ chức vụ quản lý công tác.

**3.6. Chế độ thông báo kết quả đánh giá:** Thông báo bằng văn bản cho cán bộ và thông báo công khai về kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi cán bộ công tác; quyết định hình thức công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi cán bộ công tác, trong đó ưu tiên áp dụng hình thức công khai trên môi trường điện tử.

**II. Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (Gọi tắt là Nghị định 112)**

**1. Hiệu lực thi hành ngày 20/9/2020**

**2. Bãi bỏ các quy định sau đây:**

- Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức;

- Nội dung liên quan đến xử lý kỷ luật viên chức được quy định tại Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức;

- Chương 6 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

- Nội dung liên quan đến xử lý kỷ luật cán bộ được quy định tại Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17/3/2005 của Chính phủ về việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức.

**3. Một số điểm cần lưu ý**

**3.1. Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật**

- CBCCVC đang trong thời gian điều trị bệnh hiểm nghèo hoặc đang mất khả năng nhận thức, bị ốm nặng đang điều trị nội trú tại bệnh viện có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

- CBCCVC là nam giới (trong trường hợp vợ chết hoặc vì lý do khách quan, bất khả kháng khác) đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

**3.2. Những trường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật**: Nghị định 112 bổ sung CBCCVC có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật nhưng đã qua đời.

**3.3. Hình thức buộc thôi việc viên chức**: Nghị định 112 Quy định cụ thể các trường hợp buộc thôi việc như sau:

+ Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức đối với viên chức quản lý hoặc cảnh cáo đối với viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý mà tái phạm.

+ Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 16.

+ Viên chức quản lý có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 17.

+ Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp để được tuyển dụng vào cơ quan, đơn vị (Nghị định 27 quy định: Sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được tuyển dụng vào đơn vị sự nghiệp công lập).

+ Nghiện ma túy; đối với các trường hợp này phải có kết luận của cơ sở y tế hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền (Nghị định 27 chỉ quy định: Nghiện ma túy có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền).

**3.4. Các quy định liên quan khi xem xét xử lý kỷ luật CBCCVC**: Nghị định 112 quy định CBCCVC có hành vi vi phạm pháp luật đang trong thời gian xem xét xử lý kỷ luật hoặc đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang trong thời gian bị điều tra, truy tố, xét xử mà đến tuổi nghỉ hưu thì vẫn thực hiện giải quyết thủ tục hưởng chế độ hưu trí.

Nghị định 112 bổ sung quy định: Trường hợp CBCCVC giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị tạm đình chỉ chức vụ thì không được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý.

**III. Luật viên chức sửa đổi, bổ sung năm 2019 (Luật số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội)**

**1. Hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020**

**2. Một số điểm cần lưu ý:**

**2.1. Các loại hợp đồng làm việc**

a) Đối với hợp đồng làm việc xác định thời hạn

- Kể từ ngày 01/7/2020, người được tuyển dụng làm viên chức chỉ ký hợp đồng làm việc xác định thời hạn trong khoảng thời gian từ đủ 12 đến 60 tháng. Trừ trường hợp cán bộ, công chức chuyển sang làm viên chức theo quy định; người được tuyển dụng làm viên chức làm việc tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Tăng thời hạn, ký hợp đồng làm việc xác định thời gian tối đa là không quá 60 tháng (quy định cũ thì chỉ được phép ký tối đa không quá 36 tháng).

b) Đối với hợp đồng làm việc không xác định thời hạn quy định cụ thể 03 trường hợp, như sau đây:

- Viên chức được tuyển dụng trước ngày 01/7/2020;

- Cán bộ, công chức chuyển sang làm viên chức theo quy định;

- Người được tuyển dụng làm viên chức làm việc tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 như sau: “Trường hợp không ký kết tiếp hợp đồng làm việc với viên chức thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải nêu rõ lý do bằng văn bản.”

**2.2. Về đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc**

Bổ sung thêm trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập được đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc với viên chức khi “Viên chức không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự.”

**2.3. Nội dung đánh giá viên chức**

Bổ sung thêm:*“Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan, tổ chức, đơn vị”;*

Bổ sung thêm: “…*theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao; tiến độ, chất lượng thực hiện nhiệm vụ. Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phải gắn với vị trí việc làm, thể hiện thông qua công việc, sản phẩm cụ thể”*

**2.4. Việc đánh giá viên chức**

- Bỏ trường hợp phải thực hiện đánh giá trước khi đào tạo, bồi dưỡng;

- Bổ sung thêm thời điểm đánh giá: *Căn cứ vào yêu cầu quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức hoặc giao người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp sử dụng viên chức ban hành quy định đánh giá viên chức theo quý, tháng hoặc tuần phù hợp với đặc thù công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình,…*

**2.5. Về xử lý kỷ luật viên chức**

a) Thời hiệu xử lý kỷ luật:

- Theo quy định hiện hành là thời hiệu xử lý kỷ luật là 24 tháng, kể từ thời điểm có hành vi vi phạm. Luật 2019 sửa đổi, bổ sung theo hướng phân biệt cụ thể thời hiệu xử lý kỷ luật đối với hành vi vi phạm, như sau:

+ 02 năm đối với hành vi vi phạm ít nghiêm trọng đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khiển trách;

+ 05 năm đối với hành vi vi phạm không thuộc trường hợp nêu trên.

- Bổ sung thêm 04 hành vi vi phạm không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật, gồm:

+ Viên chức là đảng viên có hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khai trừ;

+ Có hành vi vi phạm quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ;

+ Có hành vi xâm hại đến lợi ích quốc gia trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại;

+ Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp.

b) Tăng thời gian xử lý kỷ luật:

Thời hạn xử lý kỷ luật không quá 90 ngày *(theo quy định cũ là 02 tháng)*; trường hợp vụ việc có tình tiết phức tạp cần có thời gian thanh tra, kiểm tra để xác minh làm rõ thêm thì thời hạn xử lý kỷ luật có thể kéo dài nhưng không quá 150 ngày *(theo quy định cũ thì không quá 04 tháng).*

**2.6. Các quy định khác liên quan đến viên chức bị kỷ luật**

Luật Viên chức năm 2019 quy định trường hợp bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo thì không thực hiện việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm vào chức vụ cao hơn trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực;

Trường hợp bị kỷ luật bằng hình thức cách chức thì không thực hiện việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm trong thời hạn 24 tháng *(theo quy định cũ là 12 tháng)*, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực.

**IV. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (gọi tắt là Nghị định 115)**

## ****1. Hiệu lực thi hành ngày 29/9/2020****

## ****2. Bãi bỏ****

- Nghị định số [29/2012/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-29-2012-nd-cp-tuyen-dung-su-dung-va-quan-ly-vien-chuc-137919.aspx) ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

-  Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

## ****3. Một số điểm cần lưu ý****

## ****3.1. Sửa đổi tiêu chí phân loại viên chức****

Điều 3 Nghị định 115 nêu 02 tiêu chí phân loại viên chức gồm:

***- Theo chức trách, nhiệm vụ:*** Viên chức quản lý và viên chức không giữ chức vụ quản lý;

***- Theo trình độ đào tạo:*** Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp có yêu cầu trình độ đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng và trung cấp.

So với 02 tiêu chí trước đây tại Nghị định số [29/2012/NĐ-CP](https://luatvietnam.vn/can-bo/nghi-dinh-29-2012-nd-cp-chinh-phu-69631-d1.html), Nghị định 115, Chính phủ đã phân loại viên chức theo 02 tiêu chí mới nêu trên.

## ****3.2. Bổ sung thêm 1 hạng chức danh nghề nghiệp:**** Không chỉ thay đổi tiêu chí phân loại viên chức, Nghị định 115 này còn điều chỉnh về chức danh nghề nghiệp của viên chức. Cụ thể, tại Điều 28, căn cứ vào mức độ phức tạp công việc của chức danh nghề nghiệp trong cùng một lĩnh vực sự nghiệp, viên chức được xếp thành 05 hạng thay vì 04 hạng như trước đây.

## ****3.3. Phải từ đủ 15 tuổi trở lên mới được dự tuyển viên chức****

Hiện nay, nếu muốn đăng ký dự tuyển viên chức thì người có nguyện vọng phải đáp ứng các điều kiện tại Điều 5 Nghị định 115, Chính phủ đã quy định rõ hơn các điều kiện dự tuyển viên chức về độ tuổi: “*Người đăng ký dự tuyển vào vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao có thể có tuổi thấp hơn 18 nhưng phải từ đủ 15 tuổi trở lên và được sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật”*

### ****3.4. Thêm đối tượng được ưu tiên trong tuyển dụng viên chức****

Về ưu tiên trong tuyển dụng viên chức, Nghị định 115 kế thừa hầu hết các quy định trước đây tại [khoản 4 Điều 2 Nghị định 161/2018/NĐ-CP](https://luatvietnam.vn/can-bo/nghi-dinh-161-2018-ve-tuyen-dung-cong-chuc-vien-chuc-169182-d1.html) ngoại trừ việc bổ sung thêm trường hợp được cộng điểm ưu tiên trong thi tuyển là học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã…

Nghị định bỏ khỏi danh sách ưu tiên 02 đối tượng là con của người hoạt động Cách mạng trước tổng khởi nghĩa từ ngày 19/8/1945 và đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.

## ****3.5. Quy định mới về tuyển dụng viên chức****

Nghị định 115 về cơ bản đều giữ nguyên các quy định về tuyển dụng viên chức như: Thực hiện theo 02 hình thức là thi tuyển và xét tuyển; mỗi hình thức lại thực hiện theo 02 vòng.

Dù vậy, Nghị định này lại có một số thay đổi quan trọng so với quy định trước đây về việc tuyển dụng viên chức, có thể kể đến:

- Bổ sung quy định thời gian thi thực hành khi thi tuyển viên chức do người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng quyết định căn cứ vào tính chất, đặc điểm hoạt động nghề nghiệp của vị trí việc làm cần tuyển;

- Bổ sung hình thức thi viết tại vòng 02 của kỳ thi tuyển dụng viên chức (trước đây chỉ có phỏng vấn hoặc thực hành)...

## ****3.6. Nghỉ ốm đau dưới 14 ngày vẫn tính vào thời gian tập sự****

Người tập sự nghỉ ốm đau hoặc có lý do chính đáng dưới 14 ngày mà được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập nơi người được tuyển dụng vào viên chức đang thực hiện chế độ tập sự đồng ý thì thời gian này được tính vào thời gian tập sự

## ****3.7. Không chuyển viên chức đang tập sự sang đơn vị khác****

Không bố trí, phân công công tác đối với người được tuyển dụng đang trong thời gian thực hiện chế độ tập sự sang vị trí việc làm khác vị trí được tuyển dụng ở trong cùng đơn vị sự nghiệp công lập hoặc sang đơn vị sự nghiệp công lập khác

**3.8. Các trường hợp viên chức không được thực hiện thôi việc khi:**

- Viên chức được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong hệ thống chính trị;

- Viên chức đã có thông báo nghỉ hưu hoặc thuộc đối tượng tinh giản biên chế.

## ****3.9. Viên chức được giải quyết thôi việc trong thời gian ngắn hơn****

Cũng quy định về vấn đề thôi việc của viên chức, Nghị định 115 đã rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục thôi việc cho viên chức. Cụ thể, khoản 3 Điều 57 Nghị định 115 quy định các bước viên chức xin thôi việc cụ thể như sau:

**Bước 1:** Viên chức làm thông báo bằng văn bản gửi đến người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập nếu muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc.

***Bước 2:*** Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị nghỉ việc của viên chức, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập chấm dứt hợp đồng làm việc và giải quyết chế độ thôi việc cho viên chức. Nếu không đồng ý thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do vì sao không đồng ý cho viên chức biết.

Theo quy định này, viên chức xin thôi việc được giải quyết chế độ trong thời gian 05 ngày kể từ ngày người đứng đầu đơn vị sự nghiệp nhận được văn bản đề nghị của viên chức (giảm 15 ngày so với quy định trước đây tại Nghị định số 29 năm 2012).

**3.10. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác đến tuổi nghỉ hưu đối với viên chức quản lý**

Từ Điều 43 đến Điều 55 Nghị định 115 hướng dẫn chi tiết về điều kiện, quy trình, hồ sơ về công tác cán bộ.

**PHẦN II. MỘT SỐ NỘI DUNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN PHÂN CẤP QUẢN LÝ**

**Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp phân cấp, phân công về quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp** (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2019).

Đây là quy định về phân cấp quản lý của UBND tỉnh Đồng Tháp, xin được đề cập một số nội dung có liên quan đến ngành.

- Phân loại đơn vị sự nghiệp được nêu trong quyết định có liên quan đến ngành GDĐT.

Hiện tại, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở GDĐT **không có đơn vị nào là loại I, loại II**, **còn lại là loại III, loại IV (chủ yếu là loại IV)**

- Phân cấp quản lý: Tại khoản 3 Điều 11 Quyết định số 16 các đơn vị sự nghiệp công lập (Trường Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở) trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý (do UBND cấp huyện quản lý); các trường THPT (kể cả THPT chuyên), THCS và THPT, Trung tâm GDTX và Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật Tỉnh do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý.

- Thực hiện theo Điều 11 phân cấp quản lý kèm theo Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND thì Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập loại III, loại IV cónhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Quản lý viên chức hạng chức danh nghề nghiệp tương đương ngạch chuyên viên chính trở xuống (trừ các chức danh Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng đơn vị).

2. Phân công nhiệm vụ, bố trí việc làm, thực hiện việc nhận xét, đánh giá,chế độ, chính sách theo quy định đối với viên chức, người lao động hợp đồngthuộc thẩm quyền quản lý.

3. Lập thủ tục và trình cơ quan có thẩm quyền các nội dung về công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên.

4. Báo cáo cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cử viên chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghềnghiệp lên hạng chức danh nghề nghiệp tương đương ngạch chuyên viên chính trở lên.

5. Lập thủ tục đề nghị Sở GDĐT (đối với đơn vị trực thuộc Sở), UBND cấp huyện (đối với đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện): nâng bậc lương trước thời hạn; nâng bậc lương thường xuyên; giải quyết chế độ nghỉ hưu; thôi việc đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên.

6. Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức; lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cử viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng đối với các chức danh và nội dung thuộc thẩm quyền quản lý cấp trên.

7. Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn, nâng bậc lương thường xuyên đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên).

8. Quyết định xếp, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung, thâm niên nhà giáo và phụ cấp khác đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý, kể cả các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên.

9. Thực hiện ký kết hợp đồng làm việc, chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý, kể cả viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên.

10. Thực hiện ký kết, chấm dứt hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ (các chức danh: bảo vệ, phục vụ).

11. Cấp, thu hồi, huỷ thẻ viên chức theo quy định hiện hành; lập, quản lý, lưu trữ hồ sơ công chức, viên chức kể cả những chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên.

12. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức (tổ trưởng, tổ phó CM), kỷ luật, thông báo và ban hành quyết định nghỉ hưu, thực hiện các nội dung quản lý, sử dụng, chế độ, chính sách đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

13. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm phụ trách kế toán theo quy định.

Như vậy theo quy định trên

- Các trường THCS MN, TH, TH-THCS do UBND cấp huyện quản lý; các trường THPT (kể cả THPT chuyên), THCS và THPT, Trung tâm GDTX và Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật Tỉnh do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý.

Trong phạm vi tỉnh thì cấp trên của trường MN, TH, THCS là UBND huyện, cấp trên của UBND huyện là UBND Tỉnh; cấp trên của trường THPT là Sở GDĐT, cấp trên của Sở GDĐT là UBND tỉnh. Sở chỉ quản lý các trường MN, TH, THCS về chuyên môn

Phòng GDĐT là cơ quan chuyên môn giúp UBND cấp huyện quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn và một số công việc khác do UBND huyện phân công.

- Việc nâng lương thường xuyên, nâng lương trước hạn nghỉ hưu, nghỉ việc, chấm dứt hợp đồng, bổ nhiệm các tổ (khối), nhận xét đánh giá xếp loại viên chức hàng năm của giáo viên các cấp học do Hiệu trưởng thực hiện. Đối với HT, PHT các trường trực thuộc UBND huyện do UBND huyện thực hiện, HT, PHT các trường trực thuộc Sở do Sở thực hiện.

- Việc bổ nhiệm, điều động HT, PHT các trường trực thuộc UBND cấp huyện thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện, trực thuộc Sở do Sở thực hiện.

- Việc xét chuyển công tác đối với giáo viên trong huyện thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện; chuyển công tác đối với các trường THPT thuộc thẩm quyền của Sở; chuyển công tác từ các trường trực thuộc huyện về Sở và ngược lại do UBND huyện và Sở phối hợp thực hiện.

Như vậy khi giáo viên có thắc mắc có liên quan đến một số lĩnh vực về công tác tổ chức thì cơ quan đầu tiên mà giáo viên đề nghị là Trường, sau đó đến UBND huyện, UBND tỉnh (không phải Sở).

CHUYÊN ĐỀ 3

**CÔNG TÁC TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA**

**LỚP 1 NĂM HỌC 2020 - 2021**

-----

**I. Quy mô học sinh toàn tỉnh**

Năm học 2020 - 2021, toàn tỉnh có 287 trường, (trong đó, có 267 trường tiểu học, 16 trường tiểu học - trung học cơ sở, 03 trường ngoài công lập và 01 trường Nuôi dạy trẻ Khuyết tật) với 5118 lớp, 137 211 học sinh. *(Xem Phụ lục đính kèm).*

**II. Đánh giá tình hình thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 1**

**1. Bối cảnh thực hiện chương trình lớp 1 năm học 2020 - 2021**

Năm học 2020 - 2021 là năm học toàn ngành giáo dục thực hiện nhiệm vụ kép với mục tiêu: vừa tích cực thực hiện các giải pháp phòng chống dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp; các địa phương căn cứ các hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) xây dựng kế hoạch dạy học bảo đảm hoàn thành Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) cấp tiểu học phù hợp với diễn biến tình hình dịch bệnh xảy ra tại các địa phương; tăng cường các hình thức dạy học phù hợp theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Đây cũng là năm học đầu tiên ngành Giáo dục triển khai CTGDPT cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (CTGDPT 2018) đối với lớp 1; thực hiện các nội dung theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội, Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa (SGK) giáo dục phổ thông bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng lộ trình.

Năm học được triển khai thực hiện trong bối cảnh có những khó khăn khách quan riêng như sau:

*- Về phía học sinh (HS), đặc biệt là HS lớp 1:* Do tình dịch bệnh Covid-19 nên HS trước khi vào lớp 1 ở nhà khá dài (khoảng 6 tháng, từ tháng 02 đến hết tháng 8) nên HS hầu như không được học chương trình mầm non cho trẻ 5 tuổi, không được học nhận biết các mặt chữ, hướng dẫn các hoạt động làm quen học tập và chuẩn bị tâm lý, tinh thần cho các em trước khi vào lớp 1 (trong chương trình mầm non có nội dung này).

Mặt khác, do khung thời gian năm học 2020 - 2021, tất cả đều thực hiện tổ chức dạy học chính thức sau khai giảng 05/9/2020, không có thời gian làm quen nề nếp, tâm lí cho HS lớp 1, các năm học trước có 02 tuần bắt đầu tựu trường từ 15 tháng 8 năm 2020 để HS và giáo viên (GV) tổ chức làm quen tạo tâm thế sẵn sàng cho HS lớp 1 điều này rất khó khăn cho các nhà trường tiểu học và GV lớp 1.

- *Về phía GV dạy lớp 1:* Do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên việc triển khai tập huấn có gián đoạn và ảnh hưởng khá nhiều đến tiến độ và chất lượng, hạn chế thời gian, ít được tương tác, thực hành về nghiệp vụ trước khi dạy học theo chương trình mới. Các chương trình tập huấn chủ yếu thông qua trực tuyến, được thực hành trên môi trường mạng, ít được tương tác với đồng nghiệp và các giảng viên được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình tập huấn.

Việc tập huấn trực tuyến hướng dẫn sử dụng SGK do chưa áp dụng trực tiếp vào giảng dạy trên lớp nên hiện tại một số ít GV vẫn còn gặp khó khăn trong việc khai thác một số nội dung SGK. CTGDPT 2018 đã triển khai thực hiện đối với lớp 1 nhưng chưa có thiết bị và đồ dùng phục vụ cho việc dạy học làm ảnh hưởng ít nhiều đến chất lượng giảng dạy. Đội ngũ GV không đồng bộ năng lực nên ít nhiều cũng gặp khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện, nhất là một số GV lớn tuổi việc tiếp cận dạy học theo CTGDPT 2018 gặp khó khăn về phương pháp dạy học, các kỹ thuật dạy học. Do mới tiếp cận nội dung, chương trình mới nên GV xây dựng kế hoạch dạy học chưa sát đối tượng HS.

- *Về chương trình và SGK mới, đặc biệt là năm đầu tiên triển khai thực hiện:* Chương trình không tăng về lượng kiến thức, chỉ quy định chuẩn đầu ra, yêu cầu cần đạt vào cuối năm học; SGK không biên soạn theo bài, theo tiết có sẵn như trước đây mà biên soạn theo chủ đề, mạch kiến thức; giao cho GV, nhà trường nghiên cứu chương trình, SGK, đặc điểm của HS tại trường của mình để xây dựng kế hoạch dạy học cụ thể, phù hợp với đối tượng, vì vậy, cùng một chủ đề trong SGK nhưng tùy vào đối tượng HS mà trường này có thể dạy 2 tiết nhưng trường khác có thể dạy 3, 4 tiết cho phù hợp đối tượng; tốc độ thực hiện chương trình nhanh hay chậm từng giai đoạn có thể khác nhau giữa các trường, miễn là không vượt quá tổng thời gian cho môn học đó trong một năm; trong quá trình thực hiện, GV nhà trường điều chỉnh cho phù hợp (đây là điểm mới, giao quyền và trách nhiệm cho GV, nhà trường nhiều hơn) nên GV, nhà trường nhiều nơi chưa mạnh dạn thực hiện mà vẫn thực hiện theo cách cũ.

- *Về phía gia đình và xã hội:* Cha mẹ HS chưa được cung cấp thông tin đầy đủ về chương trình (vì hạn chế thời gian nên các nhà trường có hạn chế trong việc trao đổi với cha mẹ HS); thường so sánh chương trình cũ và mới và đưa ra những nhận định, đánh giá chưa thật phù hợp và đầy đủ, gây áp lực cho con và cho GV, nhà trường,…

**2. Về tình hình triển khai thực hiện trong thời gian qua**

a) Việc lựa chọn, cung ứng SGK

Thực hiện các văn bản chỉ đạo Bộ GDĐT, Sở GDĐT đã tham mưu Uỷ ban nhân dân (UBND) Tỉnh cũng như trực tiếp ban hành nhiều văn bản chỉ đạo việc thực hiện CTGDPT 2018 tại địa phương.

Thực hiện Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30/01/2020 của Bộ GDĐT, Sở GDĐT đã tổ chức hội thảo góp ý tiêu chí lựa chọn SGK và tham mưu UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 163/QĐ-UBND-HC ngày 25/02/2020 về việc ban hành tiêu chí lựa chọn SGK trong cơ sở giáo dục phổ thông; Công văn số 127/UBND-THVX ngày 25/3/2020 của UBND Tỉnh về lựa chọn SGK trong cơ sở giáo dục phổ thông và chỉ đạo các trường thực hiện đúng quy trình, chặt chẽ, công khai, minh bạch. Sở GDĐT ban hành Hướng dẫn số 12/HD-SGDĐT ngày 09/3/2020 của Sở GDĐT về việc lựa chọn SGK lớp 1, năm học 2020 - 2021.

Chỉ đạo các đơn vị triển khai, nghiên cứu các đầu SGK đã được Bộ GDĐT phê duyệt tại các Quyết định số 4507/QĐ-BGDĐT ngày 21/11/ăm 2019; Quyết định số 180/QĐ-BGDĐT ngày 20/01/2020; Quyết định số 512/QĐ-BGDĐT ngày 21/02/2020; Quyết định số 576/QĐ-BGDĐT ngày 18/3/2020.

Sở GDĐT phối hợp với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Nhà xuất bản Đại học Sư phạm tổ chức hội nghị giới thiệu SGK lớp 1 theo danh mục SGK đã được Bộ trưởng Bộ GDĐT phê duyệt tại Quyết định số 4507/QĐ-BGDĐT bằng hình thức trực tuyến với 1.800 đại biểu tham dự trong 02 ngày 11 và 12/12/2019. Chuyển các đường link giới thiệu SGK của các Nhà xuất bản để từng cán bộ quản lí (CBQL), GV nghiên cứu.

Tham mưu UBND Tỉnh bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2020 cho cấp huyện với số tiền 1.074.500.000 đồng từ nguồn điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2020 của Sở GDĐT để mua SGK lớp 1, phục vụ công tác nghiên cứu, lựa chọn, giảng dạy tại các trường. Ngoài ra, tùy điều kiện thực tế, các đơn vị chủ động về mặt kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước đã giao trong năm, nguồn thu hợp pháp khác, xã hội hóa để trang bị SGK.

Trong quá trình các trường tổ chức thực hiện lựa chọn SGK, Sở GDĐT thành lập Đoàn giám sát, kiểm tra theo Quyết định số 125/QĐ-SGDĐT ngày 20/3/2020 của Sở GDĐT về việc giám sát, kiểm tra việc tổ chức lựa chọn SGK lớp 1, năm học 2020 - 2021. Qua đó, Sở GDĐT đánh giá công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức lựa chọn SGK lớp 1, năm học 2020 - 2021 của các trường, đặc biệt là việc thực hiện đúng các yêu cầu và quy trình lựa chọn SGK theo Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30/01/2020 của Bộ GDĐT. Thông qua công tác giám sát, kiểm tra, Sở GDĐT kịp thời chấn chỉnh, tháo gỡ những khó khăn, khắc phục các hạn chế và tiếp tục chỉ đạo các trường thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc lựa chọn SGK lớp 1, năm học 2020 - 2021 tại Công văn số 14/TB-SGDĐT ngày 03/3/2020 về việc Thông báo Kết quả giám sát, kiểm tra việc tổ chức lựa chọn sách giáo khoa lớp 1, năm học 2020 - 2021.

***Kết quả***

Trên cơ sở báo cáo của các Phòng GDĐT, Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh, Trường Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Tương Lai, Sở GDĐT báo cáo kết quả lựa chọn về UBND Tỉnh và Bộ GDĐT, kết quả cụ thể như sau:

Tổng số trường thực hiện lựa chọn SGK trên địa bàn tỉnh: 301. Tổng số Hội đồng tổ chức lựa chọn SGK: 301. Tổng số đầu SGK được chọn 45/46 đầu sách được Bộ trưởng Bộ GDĐT phê duyệt.

Kết quả lựa chọn chi tiết, theo Phụ lục đính kèm.

***Giá SGK:*** Bộ SGK Kết nối tri thức với cuộc sống: 179.000 đồng; Bộ SGK Chân trời sáng tạo: 186.000 đồng; Bộ SGK Cùng học để phát triển năng lực: 194.000 đồng; Bộ SGK Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục: 189.000 đồng; Bộ SGK Cánh Diều: 199.000 đồng.

***Cung ứng SGK:*** Sở GDĐT đã cung cấp thông tin kết quả trên đến các Nhà Xuất bản có SGK được lựa chọn. Đồng thời, Sở GDĐT đã phối hợp với Nhà Xuất bản xây dựng kế hoạch tập huấn sử dụng SGK và triển khai, phát hành, cung ứng đầy đủ, kịp thời SGK trên địa bàn tỉnh đảm bảo 100 % học sinh lớp 1 đều có đầy đủ SGK.

b) Tình hình thực hiện tập huấn

Các Phòng GDĐT chọn GV tham dự bồi dưỡng CTGDPT 2018 đủ về số lượng, đảm bảo yêu cầu theo quy định. 100% CBQL, GV đều được tham gia tập huấn nội dung, phương pháp về sử dụng SGK lớp 1. Nhìn chung, tất cả CBQL, GV đều có tinh thần học tập tốt, nghiên cứu trước các bài học, trao đổi, thảo luận và mạnh dạn chia sẻ trong các buổi tập huấn, có trách nhiệm và luôn nêu cao tinh thần học tập, bồi dưỡng chuyên môn, tham gia đầy đủ các buổi học và chấp hành nghiêm túc các quy định.

Sau tập huấn, CBQL, GV họp chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học, tổ chức tiết dạy minh họa để rút kinh nghiệm trong việc xây dựng thiết kế bài dạy, vận dụng phương pháp và kỹ thuật dạy học.

Tuy nhiên, việc tổ chức tập huấn sử dụng SGK qua các buổi trực tuyến chỉ tập trung triển khai nhiều ở phần lý thuyết, sự tương tác giữa báo cáo viên và học viên là chưa nhiều, một số nội dung trao đổi chưa được làm rõ; có nhiều nội dung trùng lắp, một vài báo cáo viên cung cấp nội dung chưa rõ, chưa phong phú, khó hiểu, chỉ tập trung vào yêu cầu học viên thiết kế kế hoạch dạy học; ít được thực hành tương tác với HS. Đường truyền trực tuyến chất lượng chưa tốt, âm thanh khó nghe, ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng tập huấn.

c) Tình hình thực hiện giảng dạy

Trong quá trình giảng dạy, GV nghiên cứu kĩ chương trình, tài liệu tập huấn, SGK, bám sát yêu cầu cần đạt chương trình lớp 1 nhằm phát huy năng lực, phẩm chất của HS thông qua các môn học và hoạt động giáo dục. GV lớp 1 đã từng bước vận dụng được các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS; một số GV đã bước đầu chủ động tìm kiếm, linh hoạt sử dụng ngữ liệu để dạy học phù hợp đối tượng HS.

Nhà trường chủ động phân phối chương trình theo tình hình thực tế của trường, cụ thể: môn Tiếng Việt dạy thật chắc phần âm mới chuyển sang dạy vần. Đối với những HS có khó khăn trong học tập, GV dạy phụ đạo, kèm riêng và dạy theo khả năng của các em.

Tuy nhiên, việc giảng dạy cũng gặp một ít khó khăn như:

- Đầu năm, khoảng hơn một tháng tiếp cận và thực hiện giảng dạy lớp 1 theo CTGDPT 2018, nhiều GV có cảm giác chương trình hơi nặng và yêu cầu cao đối với HS. Cụ thể:

Đối với môn Tiếng Việt, ở những tuần đầu, có những tiết dạy từ 3 đến 4 âm, vần nên HS gặp nhiều khó khăn trong ghi nhớ âm, vần. Bên cạnh đó, HS cũng gặp nhiều khó khăn khi nghe - viết các âm, vần đã học (do học nhiều âm, vần trong một thời gian ngắn).

Môn Tiếng Việt không có tuần để dạy các nét cơ bản trước khi vào học âm, phần học vần có nhiều âm mà chỉ có 1 mô hình, HS chậm khó hình dung và không đọc được.

- Hiện nay, tại một số trường, còn khá nhiều GV còn máy móc trong quá trình đánh giá, chưa chú ý giúp đỡ hay động viên khuyến khích HS kịp thời, chưa quan tâm đến việc giúp các em vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn.

- Một số GV chưa quán triệt đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS; chưa mạnh dạn điều chỉnh nội dung dạy học phù hợp với năng lực thực tế tình hình lớp học, địa phương; ngại vận dụng các phương pháp tích cực cũng như các kĩ thuật dạy học vào các hoạt động nhằm thu hút HS tham gia và phát triển hết khả năng tư duy của các em.

d) Thiết bị dạy học

Sở GDĐT chỉ đạo các đơn vị khai thác triệt để các thiết bị dạy học hiện có, trang bị bổ sung các thiết bị dạy học cho lớp 1 theo Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05/4/2019 về ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1. Đồng thời, chỉ đạo giáo viên tự làm các đồ dùng dạy học, khai thác sách mềm, các nguồn học liệu khác.

đ) Đánh giá học sinh

Đối với học sinh tiểu học thực hiện theo CT GDPT hiện hành, tiếp tục được đánh giá theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGD&ĐT ngày 28/9/2016 của Bộ GD%ĐT về Quy định đánh giá HS tiểu học (Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT).

Đối với học sinh lớp 1 thực hiện theo CT GDPT 2018, được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020.

e) Những tình huống phát sinh

Tính đến cuối tháng 10 năm 2020, tình hình thực hiện chương trình, SGK lớp 1 theo CTGDPT 2018 trên địa bàn tỉnh đã đi vào ổn định, chưa có tình huống phát sinh ảnh hưởng đến bức xúc của dư luận xã hội và cộng đồng.

**III. Một số nội dung dư luận xã hội cả nước quan tâm và giải pháp đã thực hiện**

**1. Ý kiến về chương trình môn Tiếng Việt theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nặng so với Chương trình hiện hành**

Bộ GDĐT khi xây dựng chương trình đã đặc biệt chú ý để thực hiện việc giảm tải trong chương trình để tăng tính trải nghiệm thực hành, vì vậy, các nội dung và giải pháp thể hiện trong chương trình đều đã được tổ chức thực nghiệm, lấy ý kiến phản biện của các nhà khoa học, các nhà quản lý và rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân. Cụ thể đối với môn Tiếng Việt cấp tiểu học cụ thể như sau:

- Nhìn từ góc độ thời lượng học môn Tiếng Việt cấp tiểu học theo CTGDPT 2018 được điều chỉnh giữa các lớp học so với Chương trình hiện hành.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | Tổng |
| CTGDPT hiện hành | 350 | 315 | 280 | 280 | 280 | 1.505 |
| CTGDPT 2018 | 420 | 350 | 245 | 245 | 245 | 1.505 |

- Phân tích cụ thể:

Có thể thấy tổng số tiết học môn Tiếng Việt cho cả cấp tiểu học trong chương trình hiện hành và CTGDPT 2018 không thay đổi. Tuy nhiên, số tiết cho lớp 1 và lớp 2 trong CTGDPT 2018 có tăng (2 tiết/tuần cho lớp 1 và 1 tiết/tuần cho lớp 2) so với chương trình 2000; ngược lại số tiết cho lớp 3, 4, 5 trong chương trình 2018 lại giảm.

Việc tăng số tiết cho lớp 1 và 2 (các lớp đầu cấp tiểu học) nhằm giúp HS phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe tiếng Việt, nhờ đó có được công cụ để học tốt các môn học khác.

- Như vậy: Về nội dung kiến thức, CTGDPT 2018 có phần giảm nhẹ hơn so với chương trình năm 2000, tăng tiết đối với lớp 1, lớp 2 là để giảm tải, chứ không phải tăng tải, giúp các em HS học đủ 29 chữ cái và khoảng 140 vần mới biết đọc, biết viết. Để hoàn thành nhiệm vụ này, trước đây, chương trình năm 2000 chỉ được thực hiện trong phạm vi 350 tiết một năm, tính trung bình 10 tiết 1 tuần; còn CTGDPT 2018 được thực hiện đến 420 tiết một năm, tăng thêm 2 tiết để GV, HS dạy học đỡ vất vả hơn.

Bộ GDĐT đã tăng cường truyền thông, xây dựng các video gửi về các địa phương, trường học để GV, cha mẹ HS hiểu rõ về thực hiện đổi mới chương trình và SGK.

**2. Các nội dung liên quan đến quy trình biên soạn, thẩm định, phê duyệt hướng dẫn lựa chọn và kết quả lựa chọn sách giáo khoa lớp 1.**

a) Quy trình biên soạn, thẩm định, phê duyệt SGK

Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ban hành quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn SGK; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định SGK (Thông tư số 33) với các nội dung cơ bản như sau:

*- Quy trình biên soạn SGK:* Việc tổ chức biên soạn SGK được tổ chức thực hiện như những xuất bản phẩm khác theo Luật Xuất bản. Ngoài những quy định theo Luật Xuất bản, biên soạn SGK phải thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 33 cụ thể như sau: Tổ chức, cá nhân biên soạn SGK đăng ký và nộp bản thảo đề SGK đến nhà xuất bản. Đơn vị đề nghị thẩm định SGK là nhà xuất bản được thành lập theo quy định của pháp luật, trong đó, việc tổ chức xuất bản SGK phải được ghi trong giấy phép thành lập nhà xuất bản. Nhà xuất bản tổ chức biên tập, hoàn thành bản mẫu SGK; phối hợp với tổ chức, cá nhân biên soạn SGK tổ chức thực nghiệm SGK. Bộ GDĐT tổ chức thẩm định bản mẫu SGK theo quy định. Nhà xuất bản có SGK được thẩm định phối hợp với tổ chức, cá nhân biên soạn SGK hoàn thiện bản mẫu SGK sau thẩm định. Bộ trưởng Bộ GDĐT phê duyệt, cho phép sử dụng SGK.

*- Hội đồng quốc gia thẩm định SGK:* Hội đồng bao gồm các nhà khoa học, nhà giáo dục, nhà quản lý giáo dục có kinh nghiệm, uy tín về giáo dục và đại diện các tổ chức có liên quan. Có ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên là các nhà giáo đang giảng dạy môn học, hoạt động giáo dục ở cấp học tương ứng. Số lượng thành viên Hội đồng là số lẻ, tối thiểu là 7 (bảy) người. Mỗi thành viên Hội đồng là những người “có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt; có đủ sức khỏe và thời gian tham gia thẩm định SGK; có trình độ từ đại học trở lên, am hiểu về khoa học giáo dục, có chuyên môn phù hợp với SGK được thẩm định” và tham gia vào các hoạt động liên quan đến đổi mới chương trình, SGK.

*- Tiêu chuẩn SGK đáp ứng CTGDPT mới:* Nội dung SGK thể hiện đúng và đầy đủ nội dung của chương trình môn học hoặc hoạt động giáo dục; bảo đảm tính cơ bản, khoa học, thiết thực, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Các bài học trong SGK tạo điều kiện cho GV vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lấy hoạt động học của HS làm trung tâm; tạo cơ hội và khuyến khích HS tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập, phát huy tiềm năng của mỗi HS. Các bài học trong SGK thể hiện đúng, đủ, rõ mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực của HS và yêu cầu về đánh giá kết quả giáo dục được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục, làm cơ sở cho việc đánh giá chính xác kết quả giáo dục. Cấu trúc SGK có đủ các thành phần cơ bản sau: phần, chương hoặc chủ đề; bài học; giải thích thuật ngữ; mục lục. Cấu trúc bài học trong SGK bao gồm các thành phần cơ bản sau: mở đầu, kiến thức mới, luyện tập, vận dụng,...

Dựa vào các tiêu chuẩn, tiêu chí nói trên, Bộ GDĐT đã tổ chức các hội thảo chuyên sâu gồm các chuyên gia giỏi, có nhiều kinh nghiệm về CTGDPT, trong lĩnh vực biên soạn và thẩm định SGK; các nhà quản lí giáo dục, các GV đang trực tiếp giảng dạy, các chuyên gia quốc tế để phân tích và xây dựng hệ thống các minh chứng cần đạt trong SGK khi tiến hành thẩm định.

***-*** *Qui trình làm việc của Hội đồng gồm:* Mỗi thành viên Hội đồng nhận bản thảo SGK từ ban tổ chức và nghiên cứu độc lập (15 ngày); Hội đồng làm việc tập trung để thảo luận (05 ngày cho mỗi bản thảo gồm các nội dung: nghe tác giả báo cáo về nội dung bản thảo SGK, thảo luận tập trung công khai về bản thảo SGK, công bố kết quả trực tiếp cho tác giả để tác giả biết nội dung chi tiết đánh giá của Hội đồng để thảo luận tiếp thu, chỉnh sửa và có ý kiến phản biện lại Hội đồng nếu có). Hội đồng thẩm định SGK được thực hiện theo hai vòng (vòng 1, vòng 2), dựa trên các tiêu chí, tiêu chuẩn và các minh chứng cần đạt của từng bản thảo SGK và kết luận ở ba mức: Đạt, Đạt nhưng cần sửa chữa, Không đạt.

*- Phê duyệt và công bố kết quả thẩm định:* Khi tiếp nhận kết quả thẩm định của các Hội đồng, Bộ trưởng đã chỉ đạo các Vụ, Cục chuyên môn tham mưu thành lập tổ giúp việc gồm các chuyên gia am hiểu về chuyên môn, các nhà quản lí và các giáo viên, tổ chức rà soát lại quy trình việc của Hội đồng, báo cáo, tham vấn các cơ quan chuyên môn như Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin truyền thông, Bộ Tư pháp về các nội dung liên quan đến tính pháp lí của SGK sử dụng trong các trường phổ thông trước khi ban hành quyết định phê duyệt chính thức.

b) Hướng dẫn lựa chọn SGK

Bộ GDĐT đã phê duyệt 05 bộ với tổng số 46 quyển SGK lớp 1 của 9 môn học và hoạt động giáo dục để các địa phương, cơ sở giáo dục lựa chọn, đưa vào giảng dạy (SGK môn Tiếng Việt lớp 1 của bộ sách Cánh Diều là 1 trong số 46 quyển SGK lớp 1 được phê duyệt vừa qua). Tất cả các quyển SGK được Bộ GDĐT phê duyệt đều được các nhà trường tổ chức cho giáo viên, tổ bộ môn nghiên cứu đề xuất, thành lập hội đồng đánh giá và quyết định lựa chọn phù hợp với điều kiện triển khai thực hiện tại trường. Điều này cho thấy thành công bước đầu của chủ trương xã hội hóa biên soạn SGK, không còn sự độc quyền trong xuất bản, phát hành SGK như trước đây.

Bộ GDĐT tổ chức soạn thảo Thông tư hướng dẫn lựa chọn SGK trong cơ sở GDPT theo quy định tại Nghị quyết 88: "Cơ sở giáo dục có thẩm quyền lựa chọn SGK để sử dụng dựa trên ý *kiến của giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh".* Tuy nhiên, theo quy định của Luật Giáo dục 2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 thì thẩm quyền lựa chọn SGK được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 32: *"UBND cấp Tỉnh quyết định việc lựa chọn SGK sử dụng ổn định trong cơ sở GDPT trên địa bàn"*.

Ngày 30/01/2020, Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT về Hướng dẫn việc lựa chọn SGK trong cơ sở GDPT để các địa phương chọn SGK lớp 1 phục vụ kịp thời năm học 2020 - 2021.

Hiện nay, Bộ GDĐT đã xây dựng Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT hướng dẫn lựa chọn SGK trong cơ sở GDPT để thực hiện theo đúng Luật Giáo dục 2019 có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2020.

**3. Về nội dung liên quan đến sách giáo khoa Tiếng Việt 1, bộ sách Cánh Diều của NXB ĐHSP TPHCM có các nội dung chưa phù hợp**

Trước phản ánh về việc SGK môn Tiếng Việt lớp 1 của bộ sách Cánh Diều (Sách do GS. Nguyễn Minh Thuyết chủ biên, Nhà xuất bản Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh phát hành) có một số nội dung chưa phù hợp, Bộ trưởng Bộ GDĐT đã yêu cầu Hội đồng quốc gia thẩm định SGK môn Tiếng Việt lớp 1 (Hội đồng thẩm định) rà soát, báo cáo trước ngày 17/10/2020.

Thực hiện yêu cầu của Bộ trưởng Bộ GDĐT, Hội đồng thẩm định đã tổ chức rà soát, làm việc với tác giả SGK môn Tiếng Việt lớp 1 của bộ sách Cánh Diều. Trên tinh thần cầu thị, trách nhiệm, Hội đồng thẩm định và tác giả đã thống nhất tiếp thu tối đa các ý kiến góp ý để chỉnh sửa SGK cho phù hợp hơn. Cụ thể, chỉnh sửa, bổ sung ngữ liệu để giáo viên có thể thay thế một số đoạn/bài đọc cho phù hợp hơn với HS lớp 1 như bài “Cua, cò và đàn cá” trang 115, bài “Hai con ngựa” trang 157, bài “Lừa, thỏ và cọp” trang 163,…; thay thế một số từ ngữ khó hiểu, ít dùng như từ “nhá”, “nom”, “quà… quà”, “chén”,… Hội đồng thẩm định cũng đề nghị tác giả khi chọn văn bản thay thế không sử dụng truyện ngụ ngôn hoặc các đoạn/bài “đa nghĩa”, nên lựa chọn đoạn/bài trong kho tàng Văn học Việt Nam. Bộ GDĐT yêu cầu nhà xuất bản và tác giả xây dựng phương án chỉnh sửa, hiệu đính, gửi Hội đồng thẩm định để thẩm định, báo cáo Bộ trưởng Bộ GDĐT xem xét phê duyệt nội dung chỉnh sửa trước ngày 15/11/2020.

Bộ GDĐT, Hội đồng thẩm định và Nhóm tác giả SGK môn Tiếng Việt lớp 1 của bộ sách Cánh Diều trân trọng cảm ơn các nhà khoa học, các bậc cha mẹ, giáo viên và nhân dân cả nước đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu, chỉ ra những nội dung chưa phù hợp với yêu cầu giáo dục học sinh trong SGK môn Tiếng Việt lớp 1 của bộ sách Cánh Diều. Trong thời gian tới, Bộ GDĐT mong muốn tiếp tục nhận được các ý kiến góp ý để SGK ngày càng hoàn thiện, góp phần triển khai thực hiện thành công chương trình giáo dục phổ thông mới.

Bộ GDĐT sẽ sớm có các hướng dẫn chuyên môn cụ thể, phù hợp để các nhà trường, GV thuận lợi thực hiện theo tinh thần tự chủ chuyên môn và xây dựng phương án thực hiện phù hợp với đối tượng học sinh và thực tế tại trường.

**IV. Định hướng thực hiện trong thời gian tới**

**1. Lộ trình thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018**

Năm học 2020-2021: Lớp 1

Năm học 2021-2022: Lớp 2, 6

Năm học 2022-2023: Lớp 3, 7, 10

Năm học 2023-2024: Lớp 4, 8, 11

Năm học 2024-2025: Lớp 5, 9, 12

**2. Việc lựa chọn sách giáo khoa kể từ năm học 2021 - 2022**

Thực hiện theo Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 quy định việc lựa chọn SGK trong cơ sở giáo dục phổ thông.

**3. Giải pháp thực hiện trong thời gian tới**

a) Giải pháp cụ thể đối với những ngữ liệu chưa phù hợp của sách giáo khoa Tiếng Việt 1, bộ sách Cánh Diều(Sách do GS. Nguyễn Minh Thuyết chủ biên, Nhà xuất bản Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh phát hành)

Sở GDĐT chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc, công khai việc lựa chọn SGK theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30/01/2020 của Bộ GDĐT. Trên địa bàn tỉnh có 121/301 trường chọn sách Tiếng Việt 1, bộ sách Cánh Diều, tỷ lệ 40,19% cao hơn so với cả nước (32%).

Trước phản ánh về việc SGK môn Tiếng Việt lớp 1 của bộ sách Cánh Diều (Sách do GS. Nguyễn Minh Thuyết chủ biên, Nhà xuất bản Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh phát hành) có một số nội dung chưa phù hợp, Sở GDĐT đã chỉ đạo các trường hướng dẫn, hỗ trợ GV chủ động lựa chọn ngữ liệu khác phù hợp (nếu cần thiết) để tổ chức dạy học cho HS căn cứ vào yêu cầu của ngữ liệu được quy định trong Chương trình Ngữ văn, căn cứ vào trình độ HS, căn cứ vào mục tiêu của hoạt động dạy học đúng theo quy định của chương trình và các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT. Đối với ngữ liệu SGK Tiếng Việt lớp 1 có những từ ngữ chưa phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi HS lớp 1, nhà trường và tổ khối chủ động trao đổi, thảo luận đi đến thống nhất thay thế những từ ngữ phù hợp hơn.

Mặt khác, trong khi chờ đợi hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT tổ chức lấy ý kiến rộng rãi tất cả giáo viên dạy lớp 1 về các ngữ liệu trong SGK môn Tiếng Việt lớp 1 đặc biệt là SGK môn Tiếng Việt lớp 1 của bộ sách Cánh Diều. Đồng thời, Sở GDĐT giao cho Hội đồng chuyên môn cấp tỉnh (Tổ Tiếng Việt) cũng thực hiện rà soát tất cả các ngữ liệu trên. Từ kết quả xác định những ngữ liệu chưa phù hợp, tiếp tục thực hiện các bước sau:

- Tìm ngữ liệu thay thế.

- Cách thực hiện thay thế và định hướng cách thay thế

- Tổ chức hội nghị, hội thảo đánh giá cách thay thế

- Ban hành tài liệu hướng dẫn thực hiện chung trong toàn tỉnh

b) Giải pháp chung

Chỉ đạo các nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục thực hiện chương trình lớp 1 theo hướng phân bổ hợp lý về nội dung và thời lượng dạy học giữa các môn học, hoạt động giáo dục để không gây quá tải, đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện chương trình mới được xây dựng theo hướng mở; giúp HS hoàn thành nhiệm vụ học tập ngay tại lớp học, không giao thêm bài tập về nhà cho HS. Thời khóa biểu cần bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa các môn học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi HS tiểu học, đặc biệt là HS lớp 1.

Chỉ đạo các nhà trường tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực người học; tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng dẫn tại Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 về Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện CTGDPT cấp tiểu học; tăng cường trao đổi thông tin để cha mẹ HS nắm được yêu cầu đổi mới của chương trình và đồng hành cùng nhà trường thực hiện hiệu quả chương trình.

Tăng cường dự giờ, thăm lớp, hỗ trợ thường xuyên cho GV trong quá trình triển khai thực hiện chương trình; chủ động phối hợp với các nhà xuất bản, cơ sở đào tạo GV trong công tác bồi dưỡng, hỗ trợ chuyên môn cho GV một cách phù hợp. Trong quá trình triển khai thực hiện, tăng cường nắm bắt thông tin phản ánh từ các nhà trường, giáo viên và cha mẹ HS để trao đổi, cung cấp thông tin, giải đáp kịp thời và tổng hợp các ý kiến phản ánh về Bộ GDĐT theo quy định.

Hướng dẫn, hỗ trợ GV chủ động lựa chọn ngữ liệu khác phù hợp (nếu cần thiết) để tổ chức dạy học cho HS căn cứ vào yêu cầu của ngữ liệu được quy định trong Chương trình Ngữ văn, căn cứ vào trình độ HS, căn cứ vào mục tiêu của hoạt động dạy học đúng theo quy định của chương trình và các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT. Đối với ngữ liệu SGK Tiếng Việt lớp 1 có những từ ngữ chưa phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi HS lớp 1, nhà trường và tổ khối chủ động trao đổi, thảo luận đi đến thống nhất thay thế những từ ngữ phù hợp hơn.

Tăng cường nắm bắt thông tin phản biện, góp ý về SGK để có phương án xử lí, giải thích, hỗ trợ và truyền thông kịp thời đúng thẩm quyền trách nhiệm của mình với tinh thần cầu thị, lắng ghe góp ý để tổng hợp, tiếp thu đề nghị chỉnh sửa theo quy định (vì tại Điều 9 của Thông tư 33/2017/TT-BGDĐT cho phép điều chỉnh SGK trong quá trình thực hiện) để các GV, cha mẹ HS và cộng đồng xã hội hiểu đúng bản chất sự việc và đồng thuận chia sẻ.

Chỉ đạo tất cả CBQL, GV chủ nhiệm và GV bộ môn dạy lớp 1 tiếp tục tự bồi dưỡng, tự nghiên cứu tài liệu tập huấn của các Nhà xuất bản; tiếp tục nghiên cứu SGK từng môn/ hoạt động giáo dục để có những điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với đối tượng HS của lớp mình. GV không được tạo áp lực, phê bình mà cần động viên, khuyến khích kịp thời tạo động lực và hứng thú học tập cho HS. Phân phối tiết dạy tùy theo khả năng tiếp thu của từng đối tượng HS trong lớp, tăng giảm thời lượng ở phần âm, vần để rèn thêm kỹ năng đọc, viết cho các em một cách hợp lý.

Tích cực khai thác, sử dụng các thiết bị, đồ dùng dạy học (đồ dùng học tập, phiếu học tập, vở thực hành,…) sẵn có, khai thác hiệu quả SGK điện tử lớp 1. Động viên khuyến khích GV tự làm đồ dùng dạy học để bổ sung vào kho thiết bị của nhà trường và phục vụ công tác giảng dạy đạt kết quả tốt hơn.

Tổ chức kiểm tra chuyên môn và kiểm tra tình hình triển khai thực hiện CTGDPT 2018 đối với các trường nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho các đơn vị.

Tổ chức chuyên đề bồi dưỡng chuyên môn, tổ chức hội giảng, lấy ý kiến CBQL, GV về khó khăn, vướng mắc trong quá trình dạy học; chủ động nghiên cứu đề xuất nội dung, kế hoạch và phương pháp dạy học lớp 1 phù hợp theo từng giai đoạn (giữa kỳ, sơ kết, tổng kết cấp học).

Phát huy đội ngũ cốt cán và Hội đồng chuyên môn để tư vấn, hỗ trợ các trường thực hiện Chương trình GDPT 2018 đạt hiệu quả, nhất là hoạt động dạy học, nâng cao chất lượng học sinh.

Phối hợp cha mẹ HS về chất lượng giáo dục, yêu cầu cha mẹ HS phối hợp GV giúp đỡ kịp thời đối với HS khó khăn trong học tập, chưa đảm bảo kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu bài học, môn học.

Tổ chức đánh giá công tác triển khai thực hiện CTGDPT 2018 nhằm để đánh giá rút kinh nghiệm và đề ra giải pháp, phương hướng thực hiện trong thời gian tới đạt kết quả tốt hơn.

Đối với các khối lớp trong lộ trình thực hiện những năm học tới, yêu cầu nâng cao hiệu quả các buổi sinh hoạt chuyên môn, lồng ghép các hoạt động trải nghiệm vào các tiết dạy ở tất cả môn học. Thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học CTGDPT hiện hành và đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá giáo dục HS theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học, từ đó, tạo thuận lợi cho HS và GV khi chuyển sang thực hiện CTGDPT 2018 và SGK mới./.

1. Đây là kinh nghiệm mới so với Đại hội XII. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đại hội XII chỉ xác định: Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế. [↑](#footnote-ref-2)
3. **()** Đại biểu **Trần Thị Đào**, sinh năm 1952, Bí thư Đảng uỷ Công ty, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm là đại biểu thuộc Đảng bộ Khối các cơ quan Tỉnh. [↑](#footnote-ref-3)
4. **()** Đại biểu **Lê Hoàng Quyết**, sinh năm 1989, Thành uỷ viên, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Cao Lãnh là đại biểu thuộc Đảng bộ thành phố Cao Lãnh. [↑](#footnote-ref-4)
5. (1) Cả 03 chỉ tiêu về huy động trẻ mầm non ra lớp chưa đạt do một số nguyên nhân: Cơ sở vật chất của ngành học mầm non trong thời gian qua tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu gửi con em đi học của người dân - nhất là ở các địa bàn nông thôn, vùng khó khăn. Tỷ lệ huy động của năm học 2019-2020 được cập nhật với kết quả Tổng điều tra dân số ngày 01/4/2019 để đánh giá chính xác kết quả huy động của các địa phương. [↑](#footnote-ref-5)
6. (2) Từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2018 - 2019, tỷ lệ học sinh cấp tiểu học bỏ học đều < 0,1%. Năm học 2019 - 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19, có 143 học sinh là con em Việt kiều ở Campuchia không thể trở về học nên tỷ lệ học sinh bỏ học tăng lên. [↑](#footnote-ref-6)
7. (3) Khi xây dựng chỉ tiêu cho giai đoạn 2016 - 2020, việc kiểm tra công nhận trường đạt chuẩn quốc gia ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông thực hiện theo quy định tại Thông tư số [47/2012/TT-BGDĐT](https://thukyluat.vn/vb/thong-tu-47-2012-tt-bgddt-quy-che-cong-nhan-truong-trung-hoc-co-so-pho-thong-256d4.html) ngày 07/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia. Ngày 22 tháng 8 năm 2018, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT (có hiệu lực thi hành từ ngày 10/10/2018) ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học với nhiều tiêu chí được nâng cao nên một số cơ sở giáo dục trong lộ trình đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 chưa đáp ứng được các yêu cầu trên. [↑](#footnote-ref-7)
8. (4) Đối với giáo viên, các tiêu chí chưa đạt đều rơi vào tỷ lệ giáo viên có trình độ trên chuẩn so với quy định tại Luật Giáo dục 2005. Tuy chưa đạt nhưng kết quả đạt được đã tiệm cận chuẩn (ngành học mầm non 88,78% so với 90%; cấp tiểu học: 93,73% so với 97%). Riêng đối với cấp trung học phổ thông, trình độ trên chuẩn là sau đại học nhưng trong thời gian gần đây, việc cử đi đào tạo sau đại học bằng ngân sách nhà nước hạn chế về số lượng. Đối với cán bộ quản lý, còn 01,02% ở ngành học mầm non, 0,59% ở cấp tiểu học và 0,35% ở cấp trung học cơ sở chưa được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý chủ yếu rơi vào số cán bộ quản lý lớn tuổi, gần về hưu và gần hết nhiệm kỳ nên không tham gia bồi dưỡng. [↑](#footnote-ref-8)
9. (1) Theo Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 19/6/2019 của Uỷ ban nhân dân Tỉnh Thực hiện Đề án phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2019 - 2025 [↑](#footnote-ref-9)
10. (2) Theo Nghị quyết số 201/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/năm 2018 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Về việc điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. [↑](#footnote-ref-10)
11. (3) Đưa tiêu chí cơ sở vật chất đạt chuẩn theo quy định của Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 16/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học vào thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025 vì cơ ơ sở vật chất là một trong các tiền đề cơ bản để nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo các Nghị quyết số 88/2014/QH13, số 51/2017/QH14 của Quốc hội và việc các cơ sở giáo dục đạt chuẩn về cơ sở vật chất sẽ tạo thuận lợi cho việc xây dựng trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia các mức độ. [↑](#footnote-ref-11)
12. (4) Ngành học mầm non: Đối với mức độ 1, hiện có 88/180 trường đạt chuẩn, tỷ lệ 48,89% nhưng trong số các trường đạt chuẩn, có 29 trường đã quá thời gian quy định (05 năm) phải kiểm tra công nhận lại. Do đó, đề xuất chỉ tiêu 50% trường đạt chuẩn để kiểm tra lại các trường này vì nếu không kiểm tra lại, sau 05 năm sẽ đương nhiên không còn là trường đạt chuẩn quốc gia. Đối với mức độ 2, hiện có 34/180 trường đạt chuẩn, tỷ lệ 18,89%, đưa ra chỉ tiêu 25% trường đạt chuẩn (45 trường, tăng 11 trường so với giai đoạn 2016-2020; bình quân mỗi huyện, thị xã, thành phố tăng thêm 01 trường). [↑](#footnote-ref-12)
13. (5) Cấp tiểu học hiện có 122/285 trường đạt chuẩn, tỷ lệ 42,80% nhưng trong số các trường đạt chuẩn, có 77 trường đã quá thời gian quy định (05 năm) phải kiểm tra công nhận lại. Do đó, đề xuất chỉ tiêu 45% trường đạt chuẩn để kiểm tra lại các trường này vì nếu không kiểm tra lại, sau 05 năm sẽ đương nhiên không còn là trường đạt chuẩn. Đối với mức độ 2, hiện có 09/285 trường đạt chuẩn, tỷ lệ 03,16%, đưa ra chỉ tiêu 9% trường đạt chuẩn (26 trường, tăng 17 trường so với giai đoạn 2016-2020; bình quân mỗi huyện, thị xã, thành phố tăng thêm hơn 01 trường). [↑](#footnote-ref-13)
14. (6) Cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông, do trong giai đoạn 2016 - 2020 chưa đạt chỉ tiêu nên tiếp tục lấy chỉ tiêu này để phấn đấu trong giai đoạn 2021 – 2025. Cấp trung học cơ sở: hiện có 73/138 trường đạt chuẩn (52,90%), đề ra chỉ tiêu 60% (84 trường, tăng 11 trường, bình quân mỗi huyện, thị xã, thành phố tăng khoảng 1 trường). Cấp trung học phổ thông: hiên có 29/43 trường đạt chuẩn (67,44%), đề ra chỉ tiêu 80% (35 trường, tăng 06 trường, bình quân mỗi năm phải xây dựng đạt chuẩn quốc gia hơn 01 trường). [↑](#footnote-ref-14)
15. (7) Theo quy định của Luật Giáo dục 2019 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020), trình độ chuẩn của giáo viên mầm non là cao đẳng sư phạm, của giáo viên tiểu học và trung học cơ sở là đại học sư phạm [↑](#footnote-ref-15)
16. (8) Giáo viên mầm non hiện nay có 89,90% đạt trình độ cao đẳng sư phạm trở lên (17,08% cao đẳng và 72,82% đại học); do đó đưa vào chỉ tiêu 100% đạt trình độ chuẩn (cao đẳng) và 75% đạt trình độ trên chuẩn (đại học). [↑](#footnote-ref-16)
17. (9) Giáo viên tiểu học hiện nay có 71,82% đạt trình độ đại học sư phạm trở lên (71,16% đại học và 0,66% sau đại học). Do đó đưa vào chỉ tiêu 90% đạt trình độ chuẩn (đại học) và 1,50% đạt trình độ trên chuẩn (sau đại học). [↑](#footnote-ref-17)
18. (10) Giáo viên trung học cơ sở hiện nay có 86,58% đạt trình độ đại học sư phạm trở lên (84,20% đại học và 2,38% sau đại học). Do đó đưa vào chỉ tiêu 100% đạt trình độ chuẩn (đại học) và 4,00% đạt trình độ trên chuẩn (sau đại học). [↑](#footnote-ref-18)
19. (11) Giáo viên trung học phổ thông hiện nay có 100% đạt trình độ đại học sư phạm trở lên (100% đại học và 16,70% sau đại học). Trong giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ giáo viên trung học phổ thông trên chuẩn chưa đạt chỉ tiêu 22% nên đề nghị tiếp tục thực hiện chỉ tiêu này trong giai đoạn 2021 - 2025. [↑](#footnote-ref-19)
20. [↑](#footnote-ref-20)
21. [↑](#footnote-ref-21)